

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX NGHỆ AN

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CƠ SỞ KHO XĂNG DẦU BẾN THỦY TẠI  
PHƯỜNG TRƯỜNG VINH, TỈNH NGHỆ AN

Nghệ An, tháng 11 năm 2025

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX NGHỆ AN

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CƠ SỞ KHO XĂNG DẦU BẾN THỦY TẠI  
PHƯỜNG TRƯỜNG VINH, TỈNH NGHỆ AN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH MTV  
PETROLIMEX NGHỆ AN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM VĂN MÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MỎ  
VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHÁT



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Huy Tuấn

Nghệ An, tháng 11 năm 2025

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
3.2.1. Quy trình xuất nhập xăng dầu.....	3
3.2.2. Quy trình vệ sinh bể chứa.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	6
4.1. Máy móc thiết bị của cơ sở.....	6
4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu của cơ sở.....	7
4.2.1. Khối lượng nguyên liệu sản xuất của cơ sở.....	7
4.2.2. Khối lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	7
4.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác.....	8
4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện.....	8
4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	9
5.1. Quá trình hoạt động của cơ sở.....	9
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
5.2.1. Các hạng mục công trình.....	9
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14
2.1. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận.....	14
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải.....	15
2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.....	15
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	16
1.1.1. Nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng, dầu.....	16
1.1.2. Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu.....	17

1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	18
1.2.1. Nước thải sinh hoạt.....	18
1.2.2. Nước thải sản xuất.....	18
1.3. Xử lý nước thải.....	19
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	19
1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất.....	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	25
2.1. Công trình, biện pháp giảm sự bay hơi của xăng dầu.....	25
2.1.1. Đối với hệ thống và đường ống.....	25
2.1.2. Đối với quá trình vận hành xuất nhập hàng.....	26
2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông.....	27
2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	27
2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do hơi Etanol.....	27
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý Chất thải rắn sinh hoạt.....	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	28
4.1. Nguồn gốc và khối lượng phát sinh.....	28
4.2. Biện pháp thu gom, quản lý, xử lý.....	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	30
6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy nổ xăng dầu.....	30
6.2. Phương án ứng phó sự cố tràn dầu:.....	31
6.3. Phòng chống sự cố về điện.....	32
6.4. Phòng chống sự cố rò rỉ, tràn dầu khu vực bể chứa xăng dầu.....	32
6.4.1. Biện pháp đề phòng và xử lý sự cố rò rỉ.....	32
6.4.2. Phòng chống sự cố tràn dầu:.....	33
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	33
<b>CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>34</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	34
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	34
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	34
1.3. Dòng nước thải:.....	34
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải... 34	34
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	35
1.5.1. Nguồn số 01:.....	35
1.5.2. Nguồn số 02:.....	35
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có).....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	36
3.1. Nguồn phát sinh.....	36
3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	36

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	37
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường .....	37
1.1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện .....	37
1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền .....	37
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải .....	37
2.1. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp của cơ sở .....	37
2.1.1. Các loại nước thải phát sinh của Cơ sở năm 2023, 2024 .....	37
2.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải .....	37
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	42
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	42
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	42
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải .....	42
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	43
2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ .....	43
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	43
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở .....	43
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....	43
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	44

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí của cơ sở.....	1
Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ xuất nhập xăng dầu tại Kho Xăng dầu Bến Thủy .....	3
Hình 1.6: Khu bể chứa xăng dầu .....	11
Hình 1.7: Hệ thống đường ống công nghệ.....	11
Hình 1.8: Khu trạm bơm xăng dầu .....	12
Hình 1.9: Khu vực nhà xuất hàng ô tô xi téc .....	12
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa không nhiễm xăng dầu .....	16
Hình 3.2. Rãnh thu nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng dầu .....	17
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở.....	18
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sản xuất.....	19
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại cải tiến .....	20
Hình 3.4. Sơ đồ mặt cắt hồ tiêu độc.....	21
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống Semultech.....	21
Hình 3.6: Hình ảnh trạm xử lý nước thải.....	25
Hình 3.7: Hình ảnh kho chất thải nguy hại .....	29

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở .....	6
Bảng 1.2. Danh mục trang thiết bị PCCC&CNCH.....	6
Bảng 1.3. Danh mục trang thiết bị UPSCTD.....	7
Bảng 1.4. Khối lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng trong năm 2024.....	7
Bảng 1.5. Khối lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng trung bình 1 tháng .....	7
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở năm 2024 .....	8
Bảng 1.7. Tổng hợp khối lượng sử dụng nước máy của cơ sở năm 2024 .....	8
Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
Bảng 3.1. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở .....	16
Bảng 3.2. Bảng thống kê khối lượng thoát nước mưa .....	18
Bảng 3.3. Các thiết bị được lắp đặt trong HT XLNT tập trung .....	23
Bảng 3.3. Các hóa chất, chế phẩm sử dụng trong hệ thống XLNT .....	24
Bảng 3.4. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại năm 2023 và năm 2024.....	28
Bảng 3.5. Các nội dung thay đổi so với báo cáo tác động môi trường của Kho .....	33
Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải .....	34
Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA) .....	36
Bảng 4.4. Giới trị tối đa cho phép về độ rung.....	36
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt 2 năm gần nhất .....	38
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sản xuất 2 năm gần nhất.....	39
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc định kỳ nước mặt 2 năm gần nhất.....	40
Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải sinh hoạt .....	42
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu) .....	43

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

- NĐ: Nghị định  
CP: Chính phủ  
DWT: Tải trọng toàn phần tàu  
ĐTM: Đánh giá tác động môi trường  
HĐND: Hội đồng nhân dân  
UBND: Ủy ban nhân dân  
CTNH: Chất thải nguy hại  
QCVN: Quy chuẩn Việt Nam  
XLNT: Xử lý nước thải  
BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
ATVSLĐ: An toàn vệ sinh lao động  
UPSCTD: Ứng phó sự cố tràn dầu  
HT XLNT: Hệ thống xử lý nước thải  
PCCC&CNCH: Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

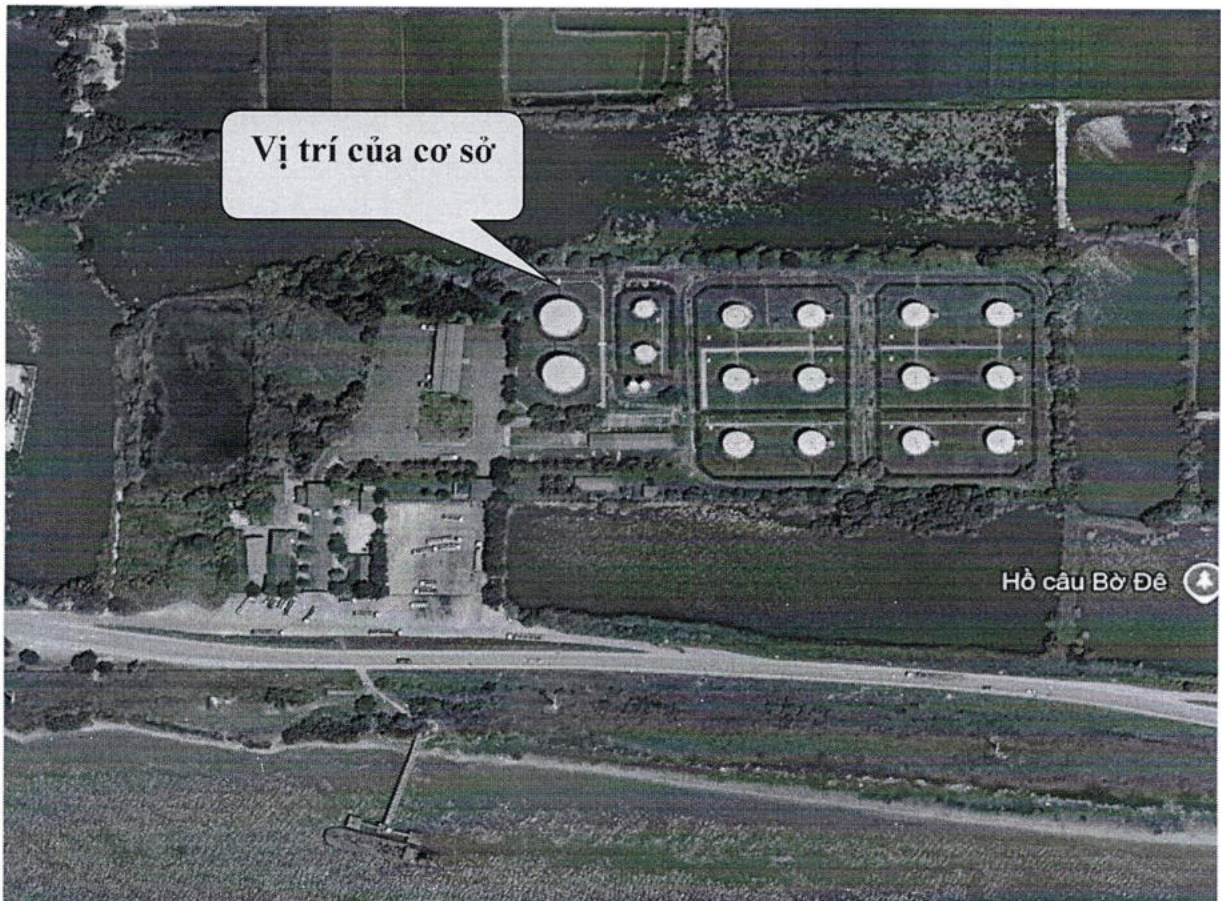
## CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An
- Địa chỉ chủ cơ sở: Số 04, Đ. Nguyễn Sỹ Sách, P. Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:
  - + Ông Nguyễn Sỹ Văn – Chủ tịch Công ty;
  - + Ông Thái Bá Nam – Giám đốc Công ty.
- Điện thoại: (0238) 384 4601 - 384 4701
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2900326304 do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 10/7/2010 và thay đổi lần 13 ngày 27/08/2025.

### 2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Kho Xăng dầu Bến Thủy.
- Địa điểm cơ sở: Đường Chu Huy Mân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.



**Hình 1.1. Vị trí của cơ sở**

Cơ sở được xây dựng tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Vị trí cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: Đất sản xuất nông nghiệp;
- + Phía Nam giáp: Đường Chu Huy Mân;
- + Phía Đông giáp: Ao hồ;
- + Phía Tây giáp: Ao hồ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

**- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần**

Trong quá trình vận hành hoạt động từ trước đến nay, Kho luôn tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và được các cấp có thẩm quyền cấp phép, phê duyệt, xác nhận các thủ tục môi trường liên quan như sau:

+ Quyết định số 406/QĐ-TNMT ngày 31/12/2009 về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của “Kho xăng dầu Bến Thủy” tại phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Quyết định số 376/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/11/2012 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tuyến ống xăng dầu Nghi Hương – Bến Thủy.

+ Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nâng cấp Kho Xăng dầu Bến Thủy, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 63/GP-STNMT.NBHĐ ngày 21/08/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An.

**- Văn bản, các loại giấy phép có liên quan khác**

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 26/TD-PCCC ngày 23/3/2012 của Công an tỉnh Nghệ An;

+ Công văn số 64/NT-PCCC-P3 ngày 07/5/2018 do phòng cảnh sát PCCC Nghệ An về việc chấp thuận nghiệm thu về PCCC;

+ Công văn số 53/NT-PCCC-P3 ngày 04/02/2021 do phòng cảnh sát PCCC Nghệ An về việc chấp thuận nghiệm thu về PCCC;

+ Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Cảng xăng dầu Bến Thủy của Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh.

- **Quy mô của cơ sở:** Tổng vốn đầu tư của Cơ sở là 200 tỷ đồng. Theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ sở thuộc dự án nhóm B (kho tàng, có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng).

- **Yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Cơ sở không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- **Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:** Các hoạt động chính của Kho Xăng dầu Bến Thủy là nhập các loại xăng dầu, tồn chứa và xuất xăng, dầu cho các phương tiện bộ. Các hoạt động chính như sau:

+ Nhập xăng dầu bằng đường thủy và tuyến ống vào bể chứa cố định;

+ Tồn trữ xăng dầu trong bể chứa cố định;

+ Xuất xăng dầu bằng đường thủy, xuất ô tô xi téc.

+ Sản phẩm chính: gồm các loại xăng dầu đang tiêu thụ trên thị trường hiện nay: Xăng Ron 95; Xăng E5 Ron 92; Dầu Diesel (DO) 0,05; Dầu Diesel (DO) 0,001S.

- **Phân nhóm dự án đầu tư:** Căn cứ khoản 2 Điều 39 và điểm c, khoản 3 Điều 41 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và điểm d mục 5, khoản 31 Điều 1 của

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì cơ sở thuộc đối tượng phải làm giấy phép môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

#### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

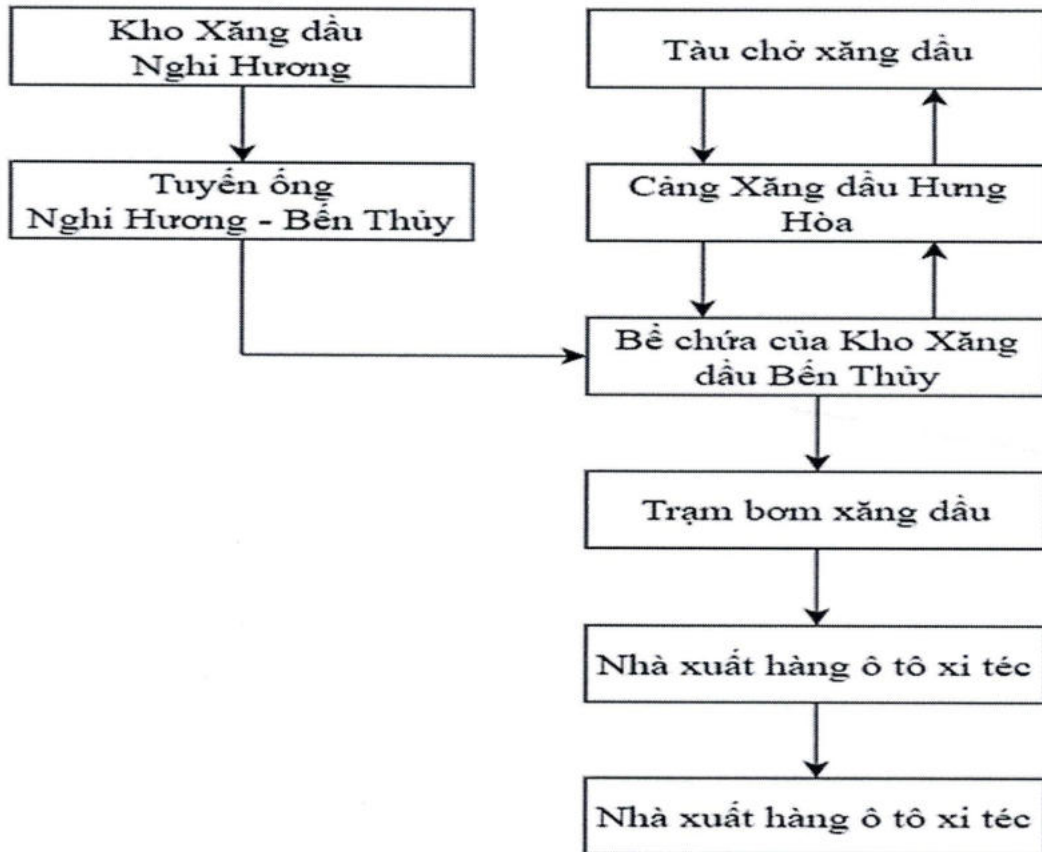
- Kho xăng dầu có 18 bể trụ đứng với tổng dung tích 18.990 m<sup>3</sup>, gồm các bể chứa xăng B5, B6, B7, B8, B10, B11 và B12 (1.000 m<sup>3</sup>/bể); các bể chứa dầu DO gồm B1, B2, B3, B4, B9 (1.000 m<sup>3</sup>/bể), B13 và B14 (400 m<sup>3</sup>/bể), B15 và B16 (3.000 m<sup>3</sup>/bể); các bể chứa E100 gồm E1 và E2 (95 m<sup>3</sup>/bể).

- Cầu cảng chuyên dụng để xuất/nhập xăng dầu có khả năng tiếp nhận tải trọng 1.200 DWT.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

##### 3.2.1. Quy trình xuất nhập xăng dầu

Quy trình nhập/xuất xăng dầu của Kho vận hành theo quy trình khép kín, thể hiện trong sơ đồ sau:



**Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ xuất nhập xăng dầu tại Kho Xăng dầu Bến Thủy**

##### 3.2.1.1. Quy trình nhập hàng

- Đối với mặt hàng xăng dầu: Kho Xăng dầu Bến Thủy thực hiện nhập hàng bằng hai phương thức chính.

+ Thứ nhất, nhập xăng dầu bằng đường thủy từ các tàu neo đậu tại Cảng Xăng dầu Hưng Hòa thông qua hệ thống đường ống công nghệ nhập vào từng bể chứa; khi bể đã đủ số lượng theo phương án nhập và chuyển sang bể chứa khác.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

+ Thứ hai, Kho thực hiện nhập xăng dầu bằng tuyến đường ống nối từ Kho Xăng dầu Nghi Hương về Kho Xăng dầu Bến Thủy để nhập vào các bể chứa theo quy trình tương tự ; khi bể đã đủ số lượng theo phương án nhập và chuyển sang bể chứa khác.

- Đối với nguyên liệu E100: Kho Xăng dầu Bến Thủy chỉ thực hiện nhập E100 từ xe ô tô xi téc thông qua 02 họng nhập bằng 02 máy bơm.

### 3.2.1.2. Quy trình xuất hàng

- Xăng dầu từ Kho Xăng dầu Bến Thủy được xuất bán cho khách hàng thông qua xe ô tô xi téc.

- Đối với xăng Ron 95, dầu DO: được xuất từ các bể qua hệ thống máy bơm xăng dầu, mỗi bơm tương ứng với mỗi cần xuất tại giàn xuất xe ô tô xi téc.

- Đối với xăng E5 Ron 92: E100 được bơm trực tiếp vào đường ống xuất xăng Ron 92 theo tỷ lệ thể tích 4,5-5% E100 với 95-96% xăng Ron 92 tạo ra xăng E5 Ron 92 và bơm theo cần xuất ra xe ô tô xi téc. Tỷ lệ này được kiểm soát bằng lưu lượng kế và van điều khiển.

- Kho Xăng dầu Bến Thủy không sở hữu các phương tiện vận chuyển hàng (tàu dầu, xe ô tô xi téc), phương tiện vận chuyển do bên đối tác, khách hàng chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ.

### 3.2.1.3. Hoạt động tồn chứa xăng dầu trong bể chứa cố định

- Nhiên liệu được tồn chứa trong các bể đặt nổi, trụ đứng. Các bể xăng có bố trí phao chống bay hơi lắp đặt bên trong bể để giảm hao hụt nhập, tồn chứa.

- Các bể có bố trí van thở và các van an toàn khác. Các thông số của bể như mức xăng dầu trong bể, mức nước, nhiệt độ xăng dầu trong bể chứa,... được cập nhật thường xuyên.

- Thông số mức chất lỏng trong bể chứa sẽ được đo lường tự động và thủ công bằng tay tùy theo từng bể.

## 3.2.2. Quy trình vệ sinh bể chứa

### a. Công tác chuẩn bị

- Lập phương án đảm bảo an toàn PCCC, BVMT và ATVSLĐ trong quá trình súc rửa, vệ sinh bể chứa; đồng thời phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận trước khi tiến hành công việc. Công nhân tham gia thao tác phải được huấn luyện đầy đủ về nghiệp vụ PCCC&CNCH, BVMT, ATVSLĐ, nghiệp vụ cơ khí... và được trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định.

- Rút hết xăng dầu ra khỏi bể.

- Thực hiện vét lượng xăng dầu còn lắng đọng ở đáy bể bằng bơm vét hoặc bơm lác tay (có thể cho nước sạch vào bể để gạn hết lượng xăng dầu nổi trên mặt bằng bơm vét).

- Trước khi mở nắp tù đăm (lỗ người chui) hoặc nắp lỗ ánh sáng, phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện an toàn, gồm:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ chữa cháy tại chỗ: Bình chữa cháy xe đẩy bột 35kg, 02 bình bột chữa cháy 8 kg, 02 chần chữa cháy, lăng vòi chữa cháy; kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống phun bột chữa cháy, máy bơm chữa cháy...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

- + Mở nắp lỗ đo trên mái bể để giảm nồng độ hơi xăng và giảm áp suất trong bể.
- + Tiến hành phun nước làm mát bể và phun nước tại các vị trí tháo lắp nhằm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thực hiện.

### **b. Công tác tiến hành súc rửa bể**

- Khi tháo lắp lỗ người chui, phải sử dụng các dụng cụ không gây tia lửa như dụng cụ bằng kim loại màu, gỗ... Trường hợp bắt buộc phải dùng dụng cụ bằng kim loại đen thì phải áp dụng biện pháp chống va đập trực tiếp (lót đệm vải, đệm nhựa, đệm gỗ...) và tưới nước liên tục tại điểm tiếp xúc. Quá trình thao tác phải thực hiện nhẹ nhàng, tránh để bu-lông, ê-cu và các dụng cụ rơi xuống nền bê tông hoặc va chạm vào thành bể. Khi tháo, phải giữ lại bu-lông trên cùng để tháo cuối cùng nhằm tránh làm xoay nắp; đồng thời bố trí đủ người nâng nắp lên từ từ để giảm áp suất trong bể trước khi tháo bu-lông cuối và di chuyển nắp.

- Tách bể chứa khỏi hệ thống công nghệ bằng cách lắp bích đặc tại van chắn ở chân bể (áp dụng đối với bể súc rửa phục vụ sửa chữa).

- Khử hơi xăng dầu trong bể bằng cách cho nước vào đầy bể và ngâm từ 2-3 ngày; sau đó rút nước, mở lỗ người chui, lỗ ánh sáng và toàn bộ các lỗ thông để thông gió tự nhiên từ 2-3 ngày. Trường hợp sử dụng quạt gió phòng nổ để thông gió nhân tạo, công tác quạt phải là loại phòng nổ; dây dẫn và đầu nối điện phải tuân thủ theo “Quy trình sử dụng thiết bị điện trong kho xăng dầu”.

- Dùng lăng vòi chữa cháy phun nước vào trong bể nhằm khuấy tạp chất lắng đọng ở đáy bể, đồng thời xả nước tràn qua lỗ tu đầm và các vòi xả xi-phông nhiều lần; phải bố trí biện pháp thu gom toàn bộ cặn thải.

- Tiếp tục ngâm nước hoặc thông gió cho đến khi nồng độ hơi trong bể đạt mức cho phép mới được cho người vào bể để nạo vét tạp chất. Người vào bể phải trang bị đầy đủ áo quần, giày bảo hộ chống thấm xăng dầu, đeo mặt nạ phòng độc; thời gian làm việc mỗi lần không vượt quá 15 phút. Bên ngoài phải bố trí người trực cảnh giới liên tục đề phòng trường hợp người làm việc trong bể bị ngạt do hơi xăng dầu; đồng thời chuẩn bị đầy đủ thuốc men để cấp cứu khi cần thiết.

- Rửa thành và đáy bể bằng lăng vòi chữa cháy phun nước áp lực 4-6 kg/cm<sup>2</sup>. Trường hợp bể bị gỉ nhiều, phải sử dụng bàn chải đồng để làm sạch trước khi tiến hành phun nước rửa lại. Việc thau rửa đáy bể chỉ được sử dụng các dụng cụ không phát sinh tia lửa khi va chạm như xẻng gỗ, nhựa hoặc đồng.

- Toàn bộ bùn cặn thu gom từ đáy bể phải được vận chuyển ra ngoài và xử lý, chôn lấp đúng nơi quy định; tuyệt đối không được xả xuống hệ thống tiêu độc gây tắc nghẽn.

- Sau khi súc rửa hoàn tất, phải kiểm tra chất lượng đáy bể và các tầng tôn, đặc biệt là khu vực tiếp giáp giữa thành và đáy bể. Nếu phát hiện hư hỏng phải có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng thời phải lập biên bản xác nhận tình trạng chất lượng súc rửa và tình trạng kết cấu thành, đáy bể.

- Đóng nắp lỗ người chui và lỗ chiếu sáng, đảm bảo yêu cầu độ kín; tháo bích đặc tại van chân bể và đưa bể về trạng thái sẵn sàng chứa hàng.

- Lãnh đạo kho chịu trách nhiệm kiểm tra cuối cùng về độ kín cũng như toàn bộ tình trạng kỹ thuật của bể trước khi quyết định đưa bể vào sử dụng để chứa hàng.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm chính: gồm các loại xăng dầu đang tiêu thụ trên thị trường hiện nay:

- Xăng Ron 95;
- Xăng E5 Ron 92;
- Dầu Diesel (DO) 0,05;
- Dầu Diesel (DO) 0,001S.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

### 4.1. Máy móc thiết bị của cơ sở

**Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở**

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Bể chứa xăng dầu	BỂ	18
2	Hệ thống đường ống công nghệ	m	7.081
3	Áp kế	Cái	22
4	Van an toàn	Cái	25
5	Đồng hồ xăng dầu	Cái	10
6	Máy bơm xăng dầu	Cái	15
7	Đèn chiếu sáng phòng nổ	Cái	27

**Bảng 1.2. Danh mục trang thiết bị PCCC&CNCH**

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Bình chữa cháy xe đẩy 35kg	Bình	11
2	Bình bột chữa cháy 4kg	Bình	33
3	Bình bột chữa cháy 8kg	Bình	16
4	Bình khí chữa cháy CO2	Bình	15
5	Bình cầu chữa cháy	Bình	10
6	Mũ CC&CNCH	Chiếc	10
7	Quần áo CC&CNCH	Bộ	10
8	Găng tay CC&CNCH	Đôi	10
9	Ủng CC&CNCH	Đôi	10
10	Đèn pin	Chiếc	03
11	Rìu cứu nạn	Chiếc	01
12	Xà beng	Chiếc	01
13	Búa tạ	Chiếc	01
14	Kìm cộng lực	Chiếc	01
15	Chăn chữa cháy	Chiếc	08
16	Túi sơ cứu loại A	Túi	01
17	Cáng cứu thương	Chiếc	01
18	Bộ đàm cầm tay	Chiếc	03

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
19	Vòi chữa cháy	Cuộn	60
20	Lăng chữa cháy	Cái	30
21	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	100
22	Máy bơm chữa cháy di động	Chiếc	02
23	Máy bơm chữa cháy cố định	Chiếc	04

**Bảng 1.3. Danh mục trang thiết bị UPSCTD**

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Phao quây dầu chuyên dụng	m	540
2	Máy bơm hút dầu tràn	Cái	01
3	Giấy thấm dầu các loại	Hộp	25
4	Chất phân tán	Kg	400

#### 4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu của cơ sở

##### 4.2.1. Khối lượng nguyên liệu sản xuất của cơ sở

**Bảng 1.4. Khối lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng trong năm 2024**

TT	MẶT HÀNG, PHƯƠNG THỨC NHẬP-XUẤT	NĂM 2024	
		NHẬP	XUẤT
<b>I</b>	<b>Xăng các loại</b>	<b>193.527</b>	<b>195.512</b>
	Nhập Tàu		
	Nhập/Xuất đường ống	193.527	
1	NQTM+TĐL/TNPP + BB		23.391
2	DCNB Công ty		55.168
3	Tái xuất Lào		
	Xuất di chuyển hàng gửi		116.952
4	Xuất ô tô		83.713
5	Xuất tàu thủy		33.239
<b>II</b>	<b>Điêzen các loại</b>	<b>310.387</b>	<b>310.090</b>
	Nhập Tàu	23.331	
	Nhập/Xuất đường ống	287.055	
6	NQTM+TĐL/TNPP + BB		57.845
7	DCNB Công ty		37.801
8	Tái xuất Lào + Tàu biển		8.434
	Xuất di chuyển hàng gửi		206.009
9	Xuất ô tô		158.447
10	Xuất tàu thủy		47.563
<b>III</b>	<b>E100</b>	<b>2.054</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>505.968</b>	<b>505.601</b>

##### 4.2.2. Khối lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

**Bảng 1.5. Khối lượng nguyên liệu, vật tư sử dụng trung bình 1 tháng**

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg)
1	Hóa chất PAA	32,44
2	FeCl <sub>3</sub>	0,32
3	Ca(OH) <sub>2</sub>	64,88

### 4.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác

#### 4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện

- **Nguồn điện:** Nguồn điện của kho được cấp từ Trạm biến áp của cơ sở; trạm hiện đang vận hành ổn định, bảo đảm cung cấp đầy đủ điện cho hệ thống chiếu sáng, sinh hoạt và phục vụ sản xuất kinh doanh. Trường hợp lưới điện quốc gia gặp sự cố, kho được cấp điện dự phòng từ một tổ máy phát điện công suất 250 kVA, đáp ứng yêu cầu vận hành của toàn bộ hệ thống.

#### - Nhu cầu sử dụng điện:

+ Tổng nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở là khoảng 22.065 kw/tháng (theo hóa đơn tiền điện của cơ sở tính trung bình trong 12 tháng gần nhất).

+ Nhu cầu sử dụng điện cao nhất của Kho khoảng 846 KWh/ngày, trung bình khoảng 735,52 KWh/ngày.

**Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở năm 2024**

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng điện	
		KWh/tháng	KWh/ngày
1	Tháng 1/2024	21.521	717,37
2	Tháng 2/2024	19.880	662,67
3	Tháng 3/2024	20.619	687,30
4	Tháng 4/2024	23.668	788,93
5	Tháng 5/2024	24.121	804,03
6	Tháng 6/2024	23.939	797,97
7	Tháng 7/2024	24.000	800,00
8	Tháng 8/2024	25.380	846,00
9	Tháng 9/2024	19.920	664,00
10	Tháng 10/2024	21.360	712,00
11	Tháng 11/2024	19.500	650,00
12	Tháng 12/2024	20.880	696,00
	<b>Trung bình</b>	<b>22.065</b>	<b>735,52</b>
	<b>Nhỏ nhất</b>	<b>19.500</b>	<b>650,00</b>
	<b>Lớn nhất</b>	<b>25.380</b>	<b>846,00</b>

#### 4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Đối với nước phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân tại cơ sở được đầu nối với đường ống cấp nước sạch của nhà máy nước sạch.

- Đối với nước phục vụ hoạt động chữa cháy: Được lấy từ nguồn nước mặt tại các ao hồ trong khu vực của cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng nước sạch tại cơ sở thống kê theo bảng sau:

**Bảng 1.7. Tổng hợp khối lượng sử dụng nước máy của cơ sở năm 2024**

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng nước	
		m <sup>3</sup> /ngày	m <sup>3</sup> /tháng
1	Tháng 1/2024	3,10	93
2	Tháng 2/2024	3,53	106

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng nước	
		m <sup>3</sup> /ngày	m <sup>3</sup> /tháng
3	Tháng 3/2024	3,43	103
4	Tháng 4/2024	4,13	124
5	Tháng 5/2024	4,07	122
6	Tháng 6/2024	4,40	132
7	Tháng 7/2024	5,20	156
8	Tháng 8/2024	4,87	146
9	Tháng 9/2024	4,83	145
10	Tháng 10/2024	6,00	180
11	Tháng 11/2024	4,03	121
12	Tháng 12/2024	3,80	114
<b>Trung bình</b>		<b>4,28</b>	<b>128,5</b>
<b>Nhỏ nhất</b>		<b>3,1</b>	<b>93</b>
<b>Lớn nhất</b>		<b>6,0</b>	<b>180</b>

Từ số liệu tổng hợp nhu cầu nước trong 12 tháng của cơ sở, trung bình nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của cơ sở là 4,28 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Quá trình hoạt động của cơ sở

Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An (tên giao dịch quốc tế là Petrolimex Nghệ An), tiền thân là Công ty Xăng dầu mỡ kiêm Tổng kho Vinh, thành lập ngày 29/12/1956, doanh nghiệp chuyên kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các dịch vụ khác. Là đơn vị thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Kho xăng dầu Bến Thủy thuộc Công ty xăng dầu Nghệ An xây dựng lại vào năm 1980 và đi vào hoạt động năm 1980.

### 5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

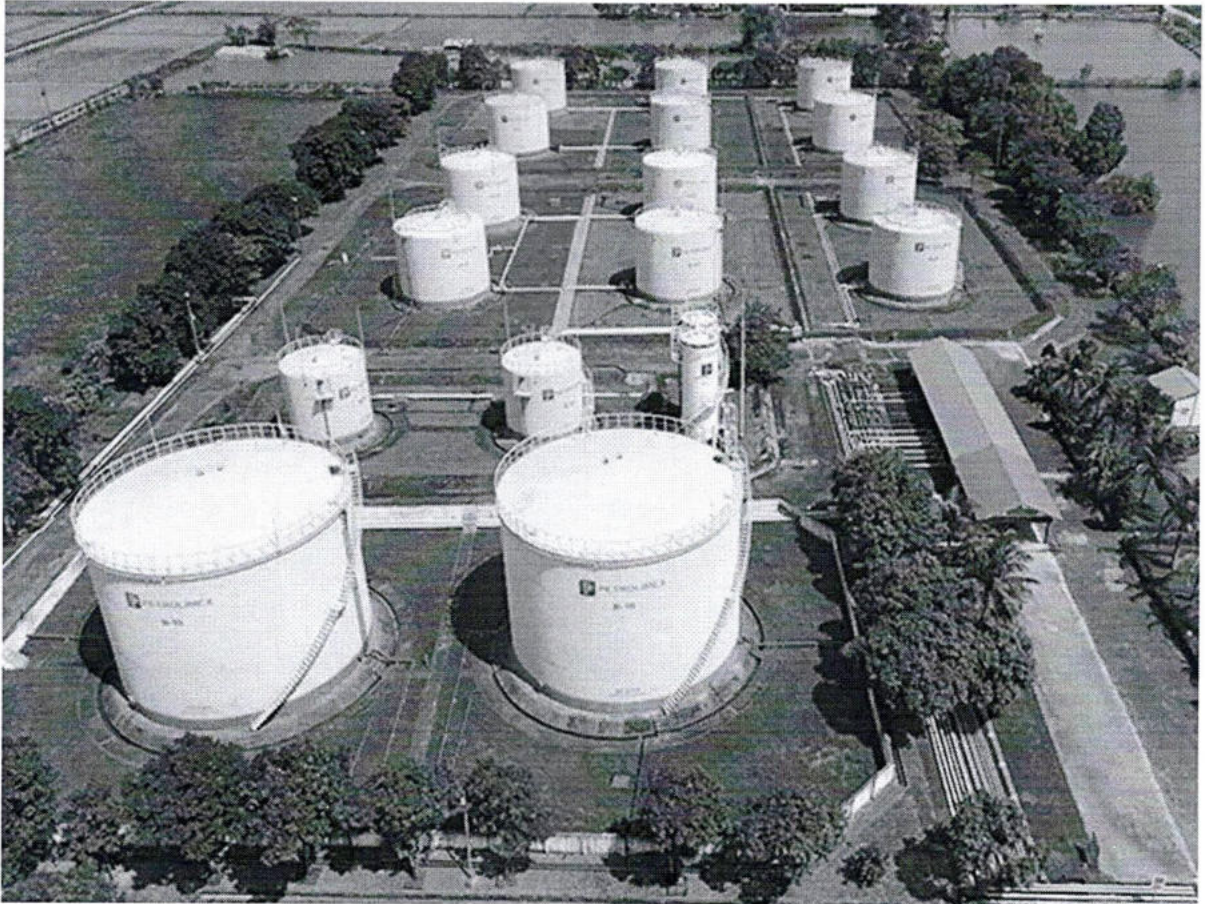
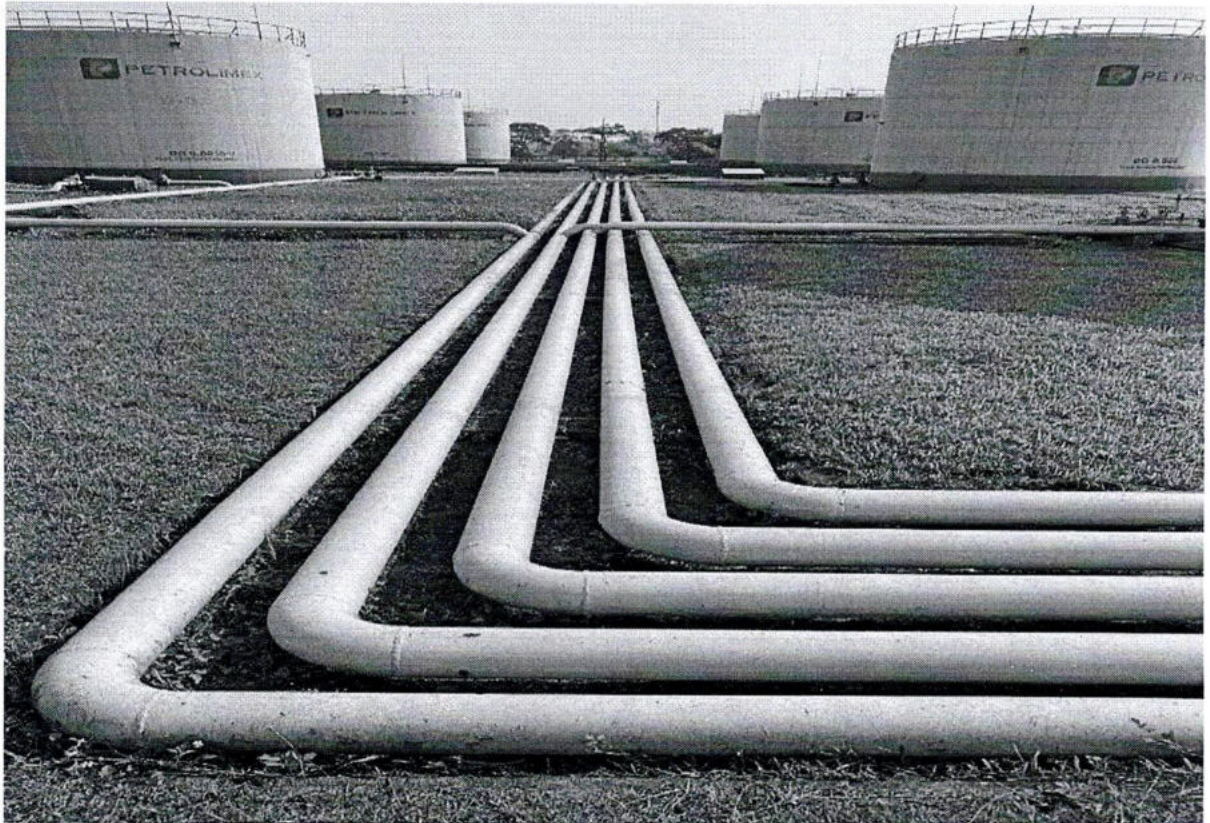
#### 5.2.1. Các hạng mục công trình

Cơ sở được xây dựng trên diện tích 115.300 m<sup>2</sup> tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện tại các hạng mục công trình của cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện với các hạng mục công trình sau:

**Bảng 1.8. Các hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Tên hạng mục	Đặc điểm
1	Khu bể chứa	18 bể trụ đứng với tổng thể tích 18.990 m <sup>3</sup> , trong đó: - Các bể chứa xăng: Bể B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12 (1.000 m <sup>3</sup> /bể); - Các bể chứa dầu DO: Bể B1, B2, B3, B4, B9, B13, B14 (400 m <sup>3</sup> /bể); B15, B16 (3.000 m <sup>3</sup> /bể); - Các bể chứa E100: bể E1, E2 (95 m <sup>3</sup> /bể)

STT	Tên hạng mục	Đặc điểm
2	Hệ thống đê bao chống tràn	Hệ thống đê bao chống tràn được bố trí xung quanh khu vực bể chứa
3	Trạm bơm xăng dầu, E100	Trạm bơm xăng dầu gồm có 15 bơm trong đó: - 08 bơm xuất xăng dầu cho ô tô xi téc (04 bơm xuất xăng, 04 bơm xuất dầu DO), - 01 bơm xuất dầu cho tàu - 01 bơm xuất xăng cho tàu - 01 máy bơm vét bể - 02 máy bơm xuất E100 - 02 máy bơm nhập E100
4	Nhà xuất hàng ô tô xi téc	Gồm 08 họng xuất xăng dầu cho xe ô tô xi téc
5	Đường ống công nghệ trong khu vực kho	Phần lớn đi nổi trên giá đỡ, tuy nhiên đoạn ống từ đầu ra của trạm bơm đến bến xuất xe ô tô xi téc đi ngầm dưới hào công nghệ.
6	Khu vực nhà máy phát điện dự phòng	01 máy phát điện 3 pha công suất 250KVA
7	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu	Nước thải nhiễm dầu được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của kho với công suất xử lý 36 m <sup>3</sup> /giờ, trước khi xả ra môi trường, đảm bảo các chỉ tiêu đạt quy chuẩn môi trường hiện hành.
8	Khu vực văn phòng	
9	Cảng Xăng dầu Hưng Hòa	Quy mô cảng 1.200 DWT
10	Đường ống công nghệ xuất nhập xăng dầu từ cảng đến kho	
11	Đường ống công nghệ xuất xăng dầu từ Nghi Hương đến Bến Thủy	
12	Container chứa trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu	Container chứa trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu được đặt ở gần cảng xăng dầu Hưng Hòa
13	Bãi đỗ xe + đường nội bộ + cổng ra vào + kho vật tư + trạm bơm nước chữa cháy + các khu vực phụ trợ khác	

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA KHO XĂNG DẦU BẾN THỦY****Hình 1.6: Khu bể chứa xăng dầu****Hình 1.7: Hệ thống đường ống công nghệ**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”



**Hình 1.8: Khu trạm bơm xăng dầu**



**Hình 1.9: Khu vực nhà xuất hàng ô tô xi téc**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Vị trí lựa chọn xây dựng Kho xăng dầu Bến Thủy có vị trí giao thông thuận lợi, cạnh tuyến đường vành đai ven sông Lam. Cơ sở đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 02/11/2016; Quyết định số 406/QĐ-TNMT ngày 31/12/2009 về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của “Kho xăng dầu Bến Thủy” tại phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Quyết định số 376/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/01/2013 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tuyến ống dẫn dầu Nghi Hương – Bến Thủy.

- Quy hoạch BVMT Quốc gia:

Dự án phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể, cơ sở phù hợp với mục tiêu chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường.

- Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

Theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022, dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Quy hoạch tỉnh Nghệ An: Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ.

+ Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh: phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dự án thuộc vùng 1 và ngành du lịch.

+ Về phương án phân vùng bảo vệ môi trường: cơ sở không thuộc danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thành phố Vinh:

+ Cơ sở phù hợp với diện tích đất xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất của thành phố Vinh tại Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vinh; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh.

+ Cơ sở phù hợp với Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 và giấy phép xả thải số 63/GP-STNMT.NBHD ngày 21/8/2020 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp. Cơ sở có vị trí hoạt động tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo hồ sơ xin cấp phép xả thải và giấy phép xả thải được Sở TNMT tỉnh Nghệ An cấp thì lưu lượng nước thải của dự án xả thải tối đa là 36m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đặc trưng nước thải của cơ sở là nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, quy chuẩn áp dụng là QCVN 29:2010/QCVN.

### **2.1. Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận**

Hiện tại, khu vực cơ sở chưa có dữ liệu về khả năng chịu tải của môi trường do cơ quan quản lý nhà nước công bố, tuy nhiên, hoạt động của Cơ sở sẽ phát sinh nước thải.

+ Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của Cơ sở, nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở là ao sen phía Bắc và Tây Bắc sau đó chảy ra vũng trũng phía Bắc (gần ruộng canh tác).

+ Hiện nay, nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Cơ sở là mương thoát nước phía Bắc Cơ sở.

Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Cơ sở gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó nước thải tiếp tục được dẫn ra ao sinh học phía Tây Nam. Nước thải sau xử lý được thoát ra mương thoát nước phía Bắc của cơ sở thông qua 01 điểm xả.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải vệ sinh công nghiệp, nước mưa chảy tràn nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất hoạt động với công suất 36 m<sup>3</sup>/h, nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B. Nước thải sau xử lý được chảy về ao sen phía Bắc trước khi thoát ra mương thoát nước phía Bắc Cơ sở thông qua 01 điểm xả.

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu vào các hố ga lắng cặn, hố ga có lớp vải lọc dầu, sau đó theo hệ thống thu thoát nước mưa theo 2 hướng: 01 vị trí là đổ vào ao phía Tây Nam, 01 vị trí là đổ vào ao phía Bắc.

- Khả năng tiếp nhận của kênh thoát nước phía Bắc của Cơ sở: Nước thải sản xuất sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải hóa lý công suất 36m<sup>3</sup>/h đạt QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

dầu, cột B được thoát ra kênh thoát nước phía Bắc của Cơ sở. Kênh thoát nước phía Bắc của Cơ sở là kênh thoát nước kín, nước tại kênh tự thẩm thấu; trên kênh không diễn ra hoạt động dẫn nước sinh hoạt, kênh có nhiệm vụ tiêu thoát nước cho khu vực. Do đó, kênh thoát nước phía Bắc của Cơ sở hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận nước thải của Cơ sở.

### **2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải**

Khi đi vào hoạt động, khí thải phát sinh tại khu vực kho xăng dầu chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở. Tuy nhiên, lượng khí thải này không đáng kể. Bên cạnh đó thì chủ đầu tư dự án cũng có nhiều biện pháp để giảm thiểu tác động của khí thải ra môi trường xung quanh như sử dụng hệ thống quạt thông gió; tăng cường trồng cây xanh xung quanh dự án, ... do đó đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải.

### **2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải**

Trong quá trình hoạt động của kho, các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được Chủ cơ sở quản lý đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định 05/2025/NĐ-Cp ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: sẽ được Chủ đầu tư thu gom, phân loại và xử lý theo quy định của địa phương.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với CTNH, được Chủ đầu tư thu gom, phân loại, lưu trữ tại kho và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

Do vậy, cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

### CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành của Cơ sở như bảng dưới đây:

**Bảng 3.1. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở**

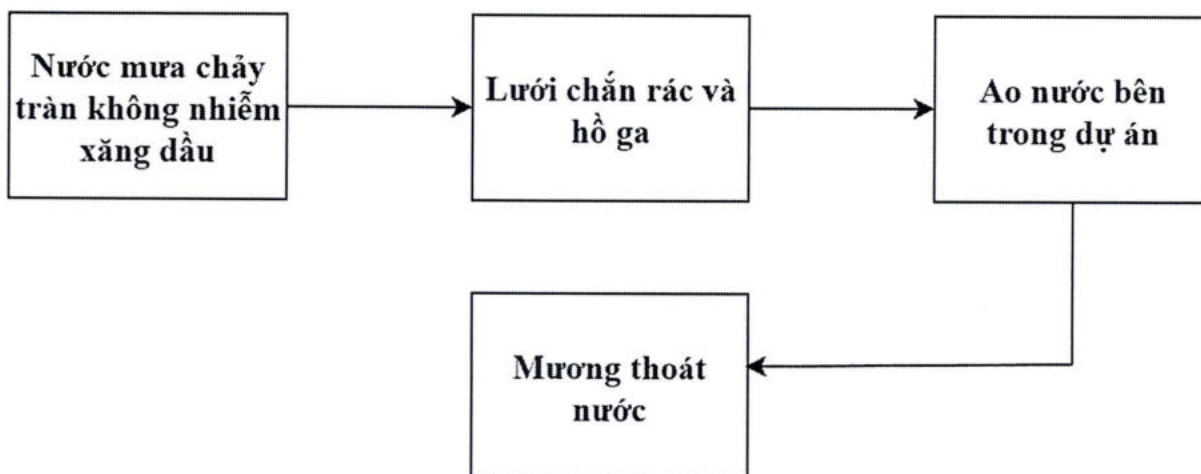
STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải</b>			
1	Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa	01 hệ thống	Đã hoàn thiện và đi vào vận hành ổn định	
2	Mạng lưới thu gom, thoát nước thải	01 hệ thống		
3	Công trình xử lý nước thải			
3.1	Bể tự hoại 03 ngăn thể tích 25 m <sup>3</sup> /bể.	01	Đã hoàn thiện và đi vào vận hành ổn định	
3.2	Hệ thống xử lý nước thải công suất 36 m <sup>3</sup> /h	01		
<b>III</b>	<b>Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường</b>			
1	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	01	Đã hoàn thiện và đi vào vận hành ổn định	
<b>IV</b>	<b>Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại</b>			
1	Kho chứa chất thải nguy hại	01	Đã hoàn thiện và đi vào vận hành ổn định	
2	Kho chứa bùn thải	01		

#### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

##### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

##### 1.1.1 Nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng, dầu

Hệ thống nước mưa chảy tràn không nhiễm bẩn xăng dầu của cơ sở được thiết kế như sau:



**Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa không nhiễm xăng dầu**

So với các nguồn nước khác thì nước mưa chảy tràn không nhiễm bẩn xăng, dầu được đánh giá là khá sạch. Vì vậy hiện nay cơ sở đã có hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa riêng và qua song chắn rác kết hợp hệ thống van

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

chặn (dùng dự phòng trong trường hợp có sự cố nước mưa bị nhiễm bẩn xăng dầu) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Kết cấu hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn không nhiễm bẩn xăng, dầu: Rãnh thoát nước bằng bê tông kết hợp gạch (đáy rãnh đổ bê tông đá 1x2, thành rãnh xây gạch thẻ dày 200 mm), chiều dài 637,86m.



**Hình 3.2. Rãnh thu nước mưa chảy tràn không nhiễm xăng dầu**

### 1.1.2. Nước mưa chảy tràn nhiễm xăng, dầu

- Nước mưa rơi trên mái bể chứa xăng dầu, trên khu vực trạm bơm xăng dầu, nhà xuất hàng ô tô xi téc được thu gom và thoát theo hệ thống rãnh thoát nước riêng dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước mưa nhiễm dầu được dẫn bằng ống bê tông đúc li tâm, các mối nối dày ống bằng dây tẩm nhựa đường ngoài chèn vữa xi măng mác 75, các mối nối bằng 20 mm. Kết cấu của hệ thống nước mưa nhiễm bẩn xăng, dầu:

+ Rãnh thoát nước hở xung quanh bể chứa để gom nước mưa bằng bê tông kết hợp gạch (đáy rãnh đổ bê tông đá 1x2, thành rãnh xây gạch thẻ dày 200 mm, nắp bê tông), Tổng chiều dài: 963,904m. Trong đó:

- Bể 3.000m<sup>3</sup>: 247,152m
- Bể 1.000 m<sup>3</sup>: 598,536m. *K*

• Bể 400 m<sup>3</sup>: 118,216m

+ Ống bê tông  $\phi$ 300 dài 73,64 m.

Thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở được liệt kê như bảng sau:

**Bảng 3.2. Bảng thống kê khối lượng thoát nước mưa**

STT	Quy cách vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước không nhiễm xăng dầu	m	637,86
2	Rãnh hở xung quanh bể chứa thu gom nước mưa nhiễm dầu	m	963,904
3	Ống bê tông $\phi$ 300	m	73,64
4	Ga thu, hố ga	Hố	10
5	Cửa xả	Cửa	02

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải

### 1.2.1. Nước thải sinh hoạt

#### a. Công trình thu gom

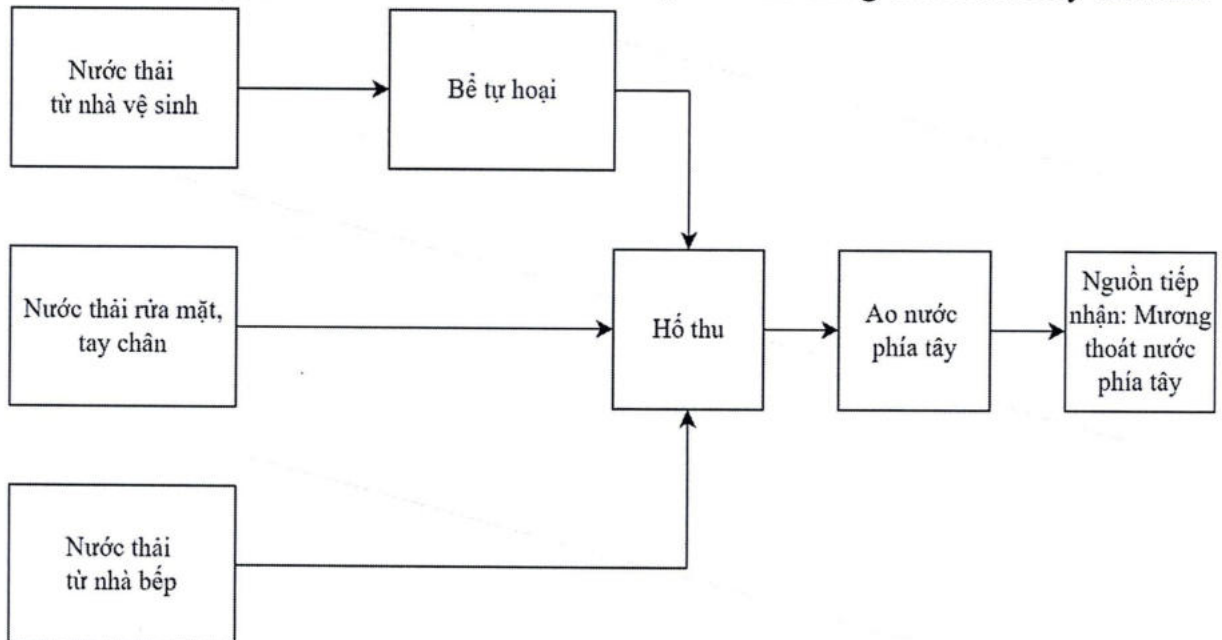
Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại, các hoạt động tắm rửa tại khu nhà văn phòng, nhà bếp được thu gom bằng đường mương bê tông (khẩu độ B=0,4m và B=0,6m), chiều dài: 25 m.

#### b. Công trình thoát nước thải

Toàn bộ nước thải sau xử lý được xả ra mương thoát nước phía Tây của cơ sở bằng hệ thống đường ống HDPE D32. Chiều dài đường ống thoát khoảng 50 m.

#### c. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt của kho xăng dầu Bến Thủy như sau:



**Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở**

### 1.2.2. Nước thải sản xuất

#### a. Công trình thu gom

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

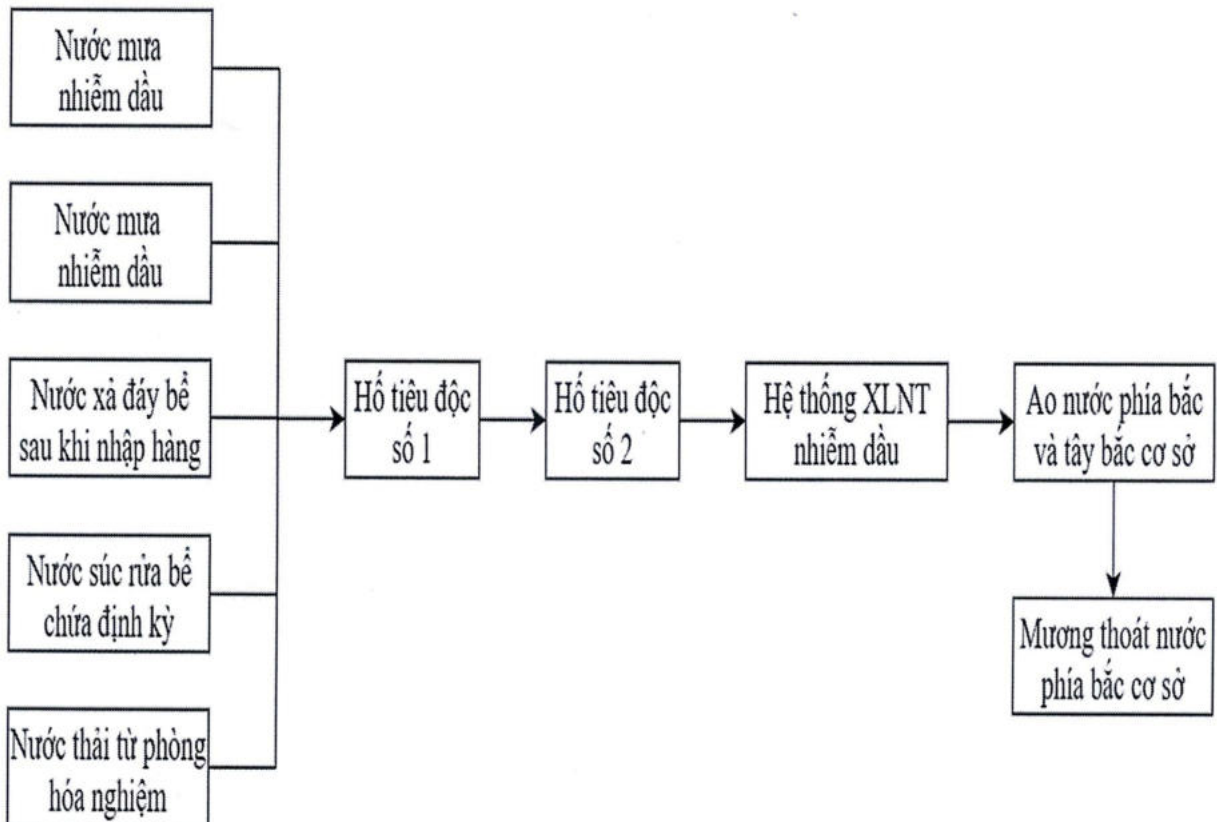
Nước thải sản xuất được thu gom bằng đường đường ống (khẩu độ B=0,4m và B=0,6m), chiều dài: 872,905 m.

### b. Công trình thoát nước thải

- Toàn bộ nước thải sau xử lý được xả ra ao sen phía Bắc và Tây Bắc bằng đường mương bê tông (khẩu độ B=0,4m và B=0,6m), chiều dài: 8m.

- Nước sau ao được thoát ra ngoài bằng mương thoát nước phía Bắc của cơ sở bằng hệ thống đường ống HDPE D32, chiều dài: 46m.

### c. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải sản xuất



**Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sản xuất**

Nước thải sản xuất được thu bằng hệ thống đường cống ngầm về hệ thống các hồ tiêu độc trước khi qua hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu có công suất: 36m<sup>3</sup>/giờ.

Tổng chiều dài đường mương thu gom: 872,905m.

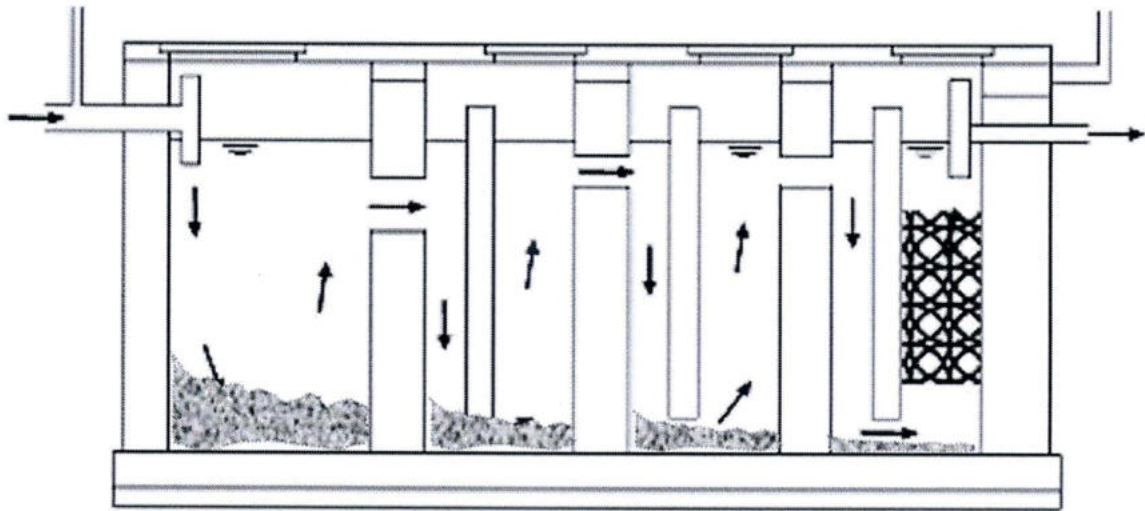
## 1.3. Xử lý nước thải

### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Theo nhu cầu sử dụng nước của cơ sở tại Chương 1 thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh vào thời điểm lớn nhất khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý như sau:

Lượng nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được dẫn vào bể tự hoại cải tiến để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Cặn lắng được giữ trong bể từ 6 - 12 tháng dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo khí và một phần tạo các chất vô cơ hòa tan. Hiện tại, Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại cải tiến với tổng thể tích là 22,45m<sup>3</sup> đặt ngầm.

+ 01 bể tự hoại được xây dựng tại khu vực nhà ăn của cơ sở có kích thước DXRXC = 2,5m x 2,5m x 1,8m.



**Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại cải tiến**

**- Nguyên tắc làm việc của bể tự hoại cải tiến**

+ Bể tự hoại cải tiến với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí, được thiết kế với thời gian lưu nước 2 ngày, hiệu suất xử lý đạt tới > 80 % theo SS và COD. Bể này gồm có 4 ngăn, ngăn thứ nhất có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Ngăn tiếp theo là ngăn lên men axit, tiếp đến là ngăn lên men kiềm. Nhờ các vách ngăn hướng dòng ở những ngăn này mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O, CH<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>S. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt của các hạt vật liệu lọc (than xi...) và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

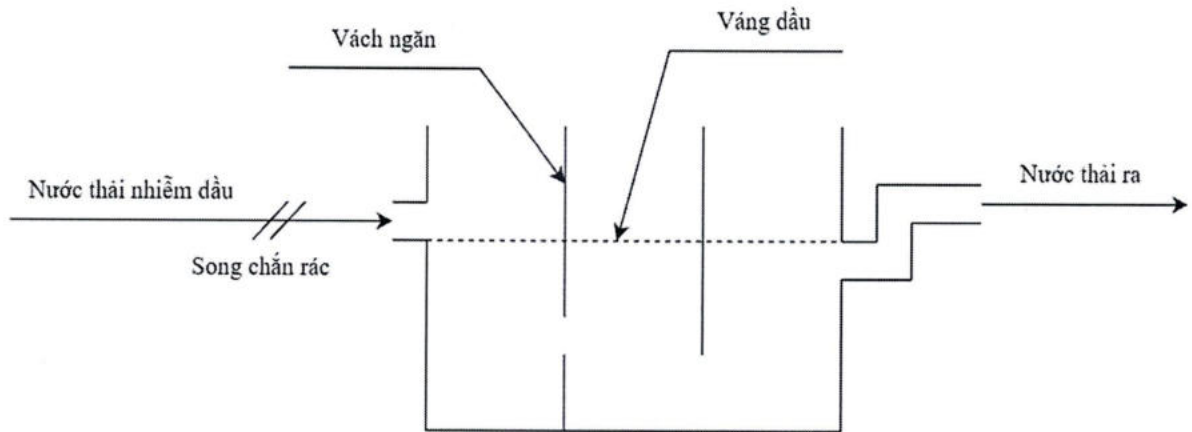
+ Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại cải tiến giảm được trung bình 70-80% hàm lượng các chất rắn lơ lửng SS, nhu cầu oxy hoá học COD, nhu cầu oxy sinh hoá BOD<sub>5</sub>, sau đó nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại sẽ được dẫn qua hồ lắng 3 ngăn. Hồ lắng vừa có chức năng tự làm sạch, vừa có chức năng lắng sẽ phân huỷ các chất hữu cơ và lắng các chất lơ lửng còn lại trong nước thải từ nhà vệ sinh. Nước thải giới hạn tối đa cho ghi trong QCVN 14:2008/BTNMT cột B, được phép thải ra môi trường ngoài. Phần bùn và các chất cặn bả trong hồ lắng sẽ định kỳ 3 tháng hợp đồng thuê xe hút, xử lý đúng quy định.

**1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất**

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất được xây dựng và đi vào vận hành năm 2000.
- Quy mô, công suất: 36m<sup>3</sup>/h.
- Công nghệ xử lý, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình.
- + Nguyên lý hoạt động của hồ tiêu độc

Nước nhiễm dầu phát sinh từ kho sẽ được dẫn vào hồ tiêu độc. Tại đây, lớp dầu thô trên mặt nước được thiết bị vớt tách dầu loại ra khỏi nước và được đưa tới thùng

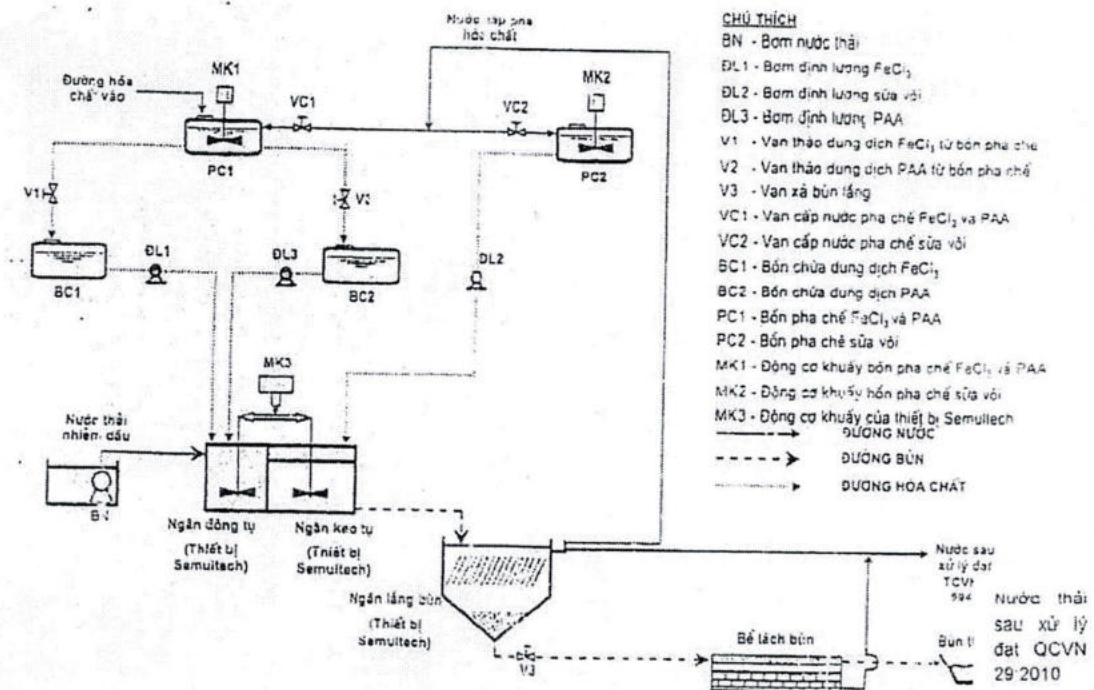
chứa dầu tại kho chứa CTNH. Nước thải sau khi tách dầu được dẫn về hệ thống xử lý Semultech. Sơ đồ mặt cắt hồ tiêu độc như sau:



**Hình 3.4. Sơ đồ mặt cắt hồ tiêu độc**

Nước thải kho xăng dầu Bến Thủy bao gồm nước thải từ công tác nhập xăng dầu đường thủy, vệ sinh bồn, vệ sinh máy móc, thiết bị, nước mưa chảy tràn nhiễm dầu. Thành phần nước có chứa xăng dầu, pH, COD, SS. Loại nước này có nồng độ ô nhiễm khá cao nên được thu gom và xử lý qua hệ thống Semultech bằng công nghệ hóa lý. Hệ thống này đã được Chủ dự án lắp đặt và sử dụng với công suất 36m<sup>3</sup>/h. Thiết bị xử lý có quy trình công nghệ xử lý hiện đại, hiện nay vẫn đang vận hành tốt và xử lý nước thải đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Kho xăng dầu Bến Thủy được thể hiện ở sơ đồ sau:



**Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống Semultech**

**Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải**

Nước thải sau khi thu gom từ các bồn qua 2 mương kín bằng xi măng, bê tông được dẫn về hồ lắng gạn xăng dầu (hồ tiêu độc) để tách xăng dầu trước khi qua Semultech. Từ hồ lắng gạn xăng dầu nước thải được bơm liên tục vào ngăn đồng tụ của thiết bị Semultech. Tại đây nước thải được bơm định lượng đều đặn các dung dịch phèn Bảo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

sắt  $\text{FeCl}_3$  (do nước thải nhiễm dầu từ kho xăng dầu chứa nhiều chất lơ lửng và các hạt keo ở dạng nhũ tương. Những chất bẩn này không thể lắng mà không sử dụng các chất hóa học, chỉ bằng cách thêm Clorua sắt là một muối ion dương mạnh, các hạt keo sẽ đông tụ thành những bông lớn và có thể tách ra khỏi nước bằng quá trình lắng), sữa vôi  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  (sữa vôi để điều chỉnh pH, vì khi đưa phèn sắt vào ngăn đông tụ thì độ pH sẽ giảm xuống; vì vậy sữa vôi được đưa vào nhằm nâng pH của nước thải lên mức trung tính, tức là nằm trong khoảng 6,5 – 7; đây là khoảng tối ưu cho quá trình keo tụ lắng) và PAA (để giảm thời gian keo tụ và tăng khả năng lắng của các bông keo, chất trợ đông tụ được bổ sung vào. PAA có dạng bột màu trắng, bản chất hóa học của nó là chất kết lắng là sự trung hòa điện tích trái dấu, chúng có độ nhớt cao khi hòa tan ở dạng dung dịch, không ăn mòn các vật liệu thép, chất dẻo, gỗ, sành sứ thủy tinh. Khi sử dụng dung dịch loãng nên dùng càng nhanh càng tốt nhằm hạn chế tối đa sự thủy phân) với liều lượng như sau:

- Liều lượng  $\text{FeCl}_3$  pha chế: Cân 50 kg phèn sắt đổ vào thùng trộn dung tích  $1\text{m}^3$  (PC1). Mở van nước cấp (VC1) cho nước chảy vào đầy bồn, sau đó khởi động động cơ khuấy (MK1) khoảng 20 phút cho đến khi phèn sắt ở dạng tinh thể tan hết, mở van (V1) cho lượng dung dịch này chảy xuống bồn chứa (BC1) xấp xỉ 6,5-7. Lượng hóa chất này dùng cho khoảng  $400\text{m}^3$  (hay 20 giờ xử lý liên tục) nước thải.

- Liều lượng  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  pha chế: cân 50kg vôi cục đổ vào hồ tôi, khuấy đều cho đến khi vôi cục tan hết, cho sữa vôi vào bồn pha chế  $1\text{m}^3$  (PC2). Mở van nước cấp (VC2) cho nước chảy đầy bình. Bật máy khuấy (MK2) liên tục trong quá trình vận hành. Lượng hóa chất sử dụng khoảng  $400\text{m}^3$  (hay 20 giờ xử lý liên tục) nước thải.

- Liều lượng PAA sử dụng: cân 0,5 kg bột PAA cho vào thùng pha chế dung tích  $1\text{m}^3$  (PC11). Mở van (VC1) cho nước chảy vào đầy  $\frac{1}{2}$  bồn, khuấy 20 phút, sau đó tiếp tục ngâm trong khoảng 3 - 4 giờ để trương nở van nước cho chảy đầy bồn. Bật máy khuấy (MK1) khoảng 10 phút sao cho dung dịch trong bồn trở nên đồng nhất, trong suốt và không bị vón cục. Mở van (V2) tháo dung dịch sang bồn chứa  $1\text{m}^3$  (BC2) để chuẩn bị cho xử lý. Lượng hóa chất này dùng cho khoảng  $400\text{m}^3$  (hay 20 giờ xử lý liên tục) nước thải.

Nước thải sau khi đã khuấy trộn hóa chất từ ngăn đông tụ (ngăn thứ 1) chảy tràn sang ngăn keo tụ (ngăn thứ 2) lúc này các bông keo vẫn còn yếu và dễ bị phá vỡ do tác động cơ học của cánh khuấy, chất trợ keo tụ PAA được bơm theo liều lượng đã định. Tại ngăn này cũng được cấp một bộ khuấy trộn để tăng cường sự kết dính của chất trợ và hạt keo có tỷ trọng thấp. Say khi nước thải đã được kết dính thành các bông keo thì chuyển sang ngăn lắng bùn của thiết bị Semultech.

Ngăn lắng có tác dụng tạo ra môi trường tĩnh cho các bông keo lắng xuống dưới đáy và nước sạch nổi lên trên mặt thiết bị và chảy qua lỗ tràn ra ngoài nguồn tiếp nhận là ao tiêu của đơn vị. Tại đây được lắp các tấm nghiêng nhằm làm tăng tiết diện lắng. Bùn lắng sẽ được rút sang bể tách bùn (bể lọc cát) hàng ngày thông qua một van xả bùn lắp dưới đáy ngăn lắng. Lượng bùn trong bể theo định kỳ (1 tháng/lần) được nạo vét và

lưu giữ vào kho chứa chất thải nguy hại cách hệ thống xử lý nước thải 5m về phía ao của đơn vị.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Phèn sắt, vôi cục, PAA
  - Danh mục máy móc, thiết bị được lắp đặt trong HT XLNT tập trung:
- Các máy móc, thiết bị được lắp đặt trong HT XLNT tập trung bao gồm:

**Bảng 3.3. Các thiết bị được lắp đặt trong HT XLNT tập trung**

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc điểm
1	Máy bơm nước thải	- Loại bơm: Bơm chìm - Công suất: 2,25kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
2	Bơm định lượng FeCl <sub>3</sub>	- Loại bơm: Bơm định lượng - Công suất: 0,25kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
3	Bơm định lượng sữa vôi	- Loại bơm: Bơm ly tâm - Công suất: 0,25kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
4	Bơm định lượng PAA	- Loại bơm: Bơm định lượng - Công suất: 0,25kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
5	Máy khuấy FeCl <sub>3</sub> và PAA	- Loại bơm: Động cơ điện - Công suất: 0,75kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
6	Máy khuấy bể Sữa vôi	- Loại bơm: Động cơ điện - Công suất: 0,75kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
7	Máy khuấy của thiết bị Semultech	- Loại bơm: Động cơ điện - Công suất: 0,75kW x 380V x 50Hz - Số lượng: 01
8	Bể chứa dung dịch FeCl <sub>3</sub>	- Thể tích: 1m <sup>3</sup> - Số lượng: 01
9	Bể chứa dung dịch PAA	- Thể tích: 1m <sup>3</sup> - Số lượng: 01
10	Bể pha chế dung dịch PAA và FeCl <sub>3</sub>	- Thể tích: 0.5m <sup>3</sup> - Số lượng: 01
11	Bể pha chế sữa vôi	- Thể tích: Bể xây - Số lượng: 01
12	Bể chứa nước và lắng bùn	- Bể gia công hàn - Số lượng: 01
13	Bể tách bùn	- Bể gia công hàn

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc điểm
		- Số lượng: 01
14	Van tháo V1	Φ25
15	Van tháo V2	Φ21
16	Van tháo V3	Φ80 xả cặn bùn
17	Van cấp nước	Φ21 pha dung dịch
18	Van cấp nước pha vôi	Φ25 pha trộn vôi
19	Mái che thiết bị	- Kích thước: - Chiều cao trụ đỡ mái che thiết bị H = 3.5m - Số lượng: 01

**- Danh mục hóa chất, chế phẩm sử dụng trong HT XLNT tập trung**

Quá trình vận hành HT XLNT tập trung của Kho có sử dụng các hóa chất, chế phẩm sau:

**Bảng 3.3. Các hóa chất, chế phẩm sử dụng trong hệ thống XLNT**

STT	Hóa chất, chế phẩm	Thông số	Công đoạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Khối lượng sử dụng (g/m <sup>3</sup> )
1	FeCl <sub>3</sub>	- Hàm lượng 99% - Đóng gói 50kg/thùng - Xuất xứ: Trung Quốc - Chất rắn không mùi, màu trắng dạng hạt hoặc vảy.	Tại bể phản ứng	Điều chỉnh độ pH của nước thải về mức hợp lý để thuận tiện trong quá trình xử lý	125
2	PAA	- Al <sub>2</sub> (SO <sub>4</sub> ) <sub>3</sub> .18H <sub>2</sub> O - Dạng bột, màu vàng chanh - Quy cách: 25kg/bao - Xuất xứ: Trung Quốc	Tại bể phản ứng	Tạo quá trình keo tụ	1,25
3	Vôi	- Dạng bột, màu trắng đục - Xuất xứ: Việt Nam	Tại bể tạo bông	Có tác dụng trợ lắng, kết hợp các chất keo tụ và các chất lơ lửng trong nước.	250

(Nguồn: Chủ cơ sở tổng hợp theo thực tế)



**Hình 3.6. Trạm xử lý nước thải**

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

### **2.1. Công trình, biện pháp giảm sự bay hơi của xăng dầu**

#### **2.1.1. Đối với hệ thống và đường ống**

- Để làm giảm sự bay hơi của xăng dầu, đối với hệ thống khoang chứa và bể chứa cùng hệ thống đường ống nhập dầu, tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Bể chứa luôn luôn ở trong tình trạng kín.

+ Các bể chứa xăng dầu với độ cao từ 10 -15m được đầu tư hệ thống tự động đo mức để theo dõi số lượng và nhiệt độ bình quân của nhiên liệu chứa trong bể; giám sát mức chứa, theo dõi cảnh báo tràn trong quá trình nhập, theo dõi và cảnh báo mức chứa trong quá trình xuất.

+ Trang bị mái phao trong các bể chứa dầu nhằm giảm thiểu khả năng bay hơi xăng dầu.

+ Tồn chứa các sản phẩm xăng dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể, vì nếu giảm thể tích khoảng trống chứa hơi của bể thì lượng xăng dầu bay hơi sẽ giảm.

+ Các bể chứa sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm soát và chống nóng: hệ thống đo nhiệt độ, hệ thống phun nước tưới mát thân bể chứa, sử dụng sơn cao cấp phản xạ nhiệt để chống nóng.

+ Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rót nhiên liệu sẽ sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu.

+ Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở có bình ngăn tia lửa có thông số kỹ thuật phù hợp với công suất bơm chuyển để hạn chế tối đa lượng xăng dầu bay hơi vào không khí.

- Để giảm hiện tượng rò rỉ, Kho áp dụng các biện pháp:

+ Chống ăn mòn cho các công trình: đường ống công nghệ trong khu vực tại bể thép, đường ống ngầm nhập xuất nhiên liệu.

+ Kiểm tra thường xuyên hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hỏng hóc. Đặc biệt lưu ý các mối hàn giữa đáy và thành khoang, bể, gioăng đệm lót kín trong các trạm bơm, hồ van,...

+ Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các tấm thép thành bể chứa có dầu ngấm loang từ dưới nền bể, dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì ngưng ngay việc nhập thêm dầu mới, xuất hết dầu cũ hoặc chuyển qua bể khác càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới.

+ Đai ốp sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bo kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

+ Khi phát hiện rò rỉ ở các đáy bể chứa đầy sản phẩm thì phải lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bể để sửa chữa.

+ Trường hợp có sự cố tại các van dầu hoặc van chặn thì phải ngưng bơm để xử lý ngay lập tức.

+ Đảm bảo thông tin chặt chẽ giữa các bộ phận và các nhân viên trong quá trình nhập xăng dầu vào bồn chứa. Phải thông báo kịp thời khi thấy hiện tượng tăng áp suất bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống, hiện tượng giảm áp suất bất thường để kiểm tra phát hiện rò rỉ.

- Cải tiến, đầu tư mới trong quá trình hoạt động. Biện pháp cải tiến, đầu tư mới công nghệ trong quá trình hoạt động là đầu tư chiều sâu hệ thống đường ống chính dẫn dầu, hiện đại công nghệ xuất nhập xăng dầu. Đây là một biện pháp cơ bản vì cho hiệu quả cao nhất trong loại trừ, giảm thiểu được các chất độc hại thải ra môi trường bên ngoài.

### **2.1.2. Đối với quá trình vận hành xuất nhập hàng**

Khi xuất hay nhập xăng dầu, tuân theo một số quy định sau nhằm giảm thiểu sự bay hơi hydrocacbon, cụ thể:

- Quá trình nhập và xuất xăng dầu luôn ở trạng thái nhúng chìm vòi xuất nhập, đầu vào của bơm phải luôn nằm ở dưới bề mặt chất lỏng.

- Trong quá trình nhập vào các xitec, rút ngắn thời gian nhập. Số lần bơm chuyển trong nội bộ kho giảm đến mức tối thiểu.

- Hạn chế rủi ro nhập dầu ở cảng bằng cách dùng ống mềm chuyên dầu từ tàu sang đường ống và chuyển dầu về các bể chứa bằng cách: ✍

+ Đặt van một chiều cố định ở dưới đất tại điểm nối ống cứng, ống mềm và bích cố định. Tác dụng của van một chiều là ngăn không cho dầu chảy từ ống cứng ra ngoài khi có sự cố ống mềm.

+ Khi có sự cố ống mềm phải đóng chặt ngay van trên tàu dầu lại.

+ Khi không nhập dầu, đầu ống mềm nối với tàu được bịt bằng mặt bích.

Hạn chế tối đa việc súc rửa bồn chứa khi thay đổi loại sản phẩm chứa trong bồn. Để thực hiện được điều này, có kế hoạch nhập dầu một cách hợp lý, tránh nhập dồn cùng một lúc gây tình trạng thiếu bồn chứa, phải súc rửa bồn chứa khi chứa các chủng loại xăng dầu khác.

Hệ thống tự động hoá được tích hợp thành một hệ thống điều khiển hoàn chỉnh, tập trung thành Trung tâm điều khiển và giám sát chung.

## **2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông**

- Trồng và bố trí cây xanh tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên Kho;

- Phun tưới nước giảm thiểu bụi vào những ngày nắng;

- Đặt bảng hướng dẫn, quy định tốc độ, phân luồng, bố trí khu vực dừng đỗ các loại phương tiện giao thông khi ra vào khu vực Kho.

## **2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng**

- Sử dụng máy phát điện có công nghệ hiện đại, phát sinh khí thải có nồng độ thấp.

- Đặt máy phát điện tại khu vực độc lập tách riêng với các công trình khác của Kho.

- Máy phát điện chỉ được sử dụng khi Kho mất điện, nên tần suất sử dụng chỉ khoảng 3 - 4 lần/năm.

## **2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do hơi Etanol**

- Bồn chứa luôn ở tình trạng kín.

- Lắp đặt hệ thống phao chống bay hơi Etanol đối với mỗi bể.

- Lưu giữ Etanol theo đúng khả năng chứa đầy của bồn vì thể tích khoảng trong chứa hơi trên bề mặt Etanol càng nhỏ thì lượng hơi Etanol bay hơi sẽ càng nhỏ.

- Các bồn chứa được kiểm soát và chống nóng bằng cách: đo nhiệt độ, phun nước tưới mát thành bồn, sơn bằng sơn cao cấp cách nhiệt hoặc phản xạ nhiệt.

## **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý Chất thải rắn sinh hoạt**

Nguồn gốc phát sinh: từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Kho.

- Thành phần: bao nilong, thức ăn thừa, chai đựng nước uống,...

- Khối lượng phát sinh trung bình: 16 kg/ngày.

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ Tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 3 nhóm: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải còn lại (theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An).

+ Trang cấp, bố trí các thùng chứa tại các vị trí phù hợp để thu gom, lưu chứa chất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

thải rắn sinh hoạt phát sinh của Kho.

+ Bố trí công nhân tập trung toàn bộ các thùng chứa này đến vị trí tập kết để đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo tần suất 01 lần/tuần (hiện tại đang hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An thu gom, vận chuyển, xử lý theo Hợp đồng dịch vụ thu gom rác số 10/2025/RTSH ngày 02/01/2025 đã ký kết giữa hai bên).

- Khu vực lưu chứa:

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt được láng nền, có gờ ngăn nước mưa chảy tràn, có mái che và ngăn làm 2 khu vực riêng biệt.

+ Diện tích: 8m<sup>2</sup>.

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

##### 4.1. Nguồn gốc và khối lượng phát sinh

- CTNH phát sinh từ quá trình sản xuất và hoạt động vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải.

- Khối lượng và thành phần CTNH có nguy cơ phát sinh của Kho trong 2 năm 2023 và 2024 được tổng hợp theo bảng sau:

**Bảng 3.4. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại năm 2023 và năm 2024**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm) Năm 2023	Khối lượng (kg/năm) Năm 2024
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (dầu thải)	Lỏng	17 02 04	1,0	0
2	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	5,0	7,0
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3,0	1,0
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm các vật liệu lọc chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4,0	5,0
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng, hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 02 02	1,0	1,0
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	2,0	2,0
7	Chất thải lẫn dầu (cặn súc bản, vết bề xăng dầu)	Rắn	19 07 01	150	85
<b>Tổng cộng</b>				<b>166</b>	<b>101</b>

(Nguồn: Hồ sơ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của cơ sở)

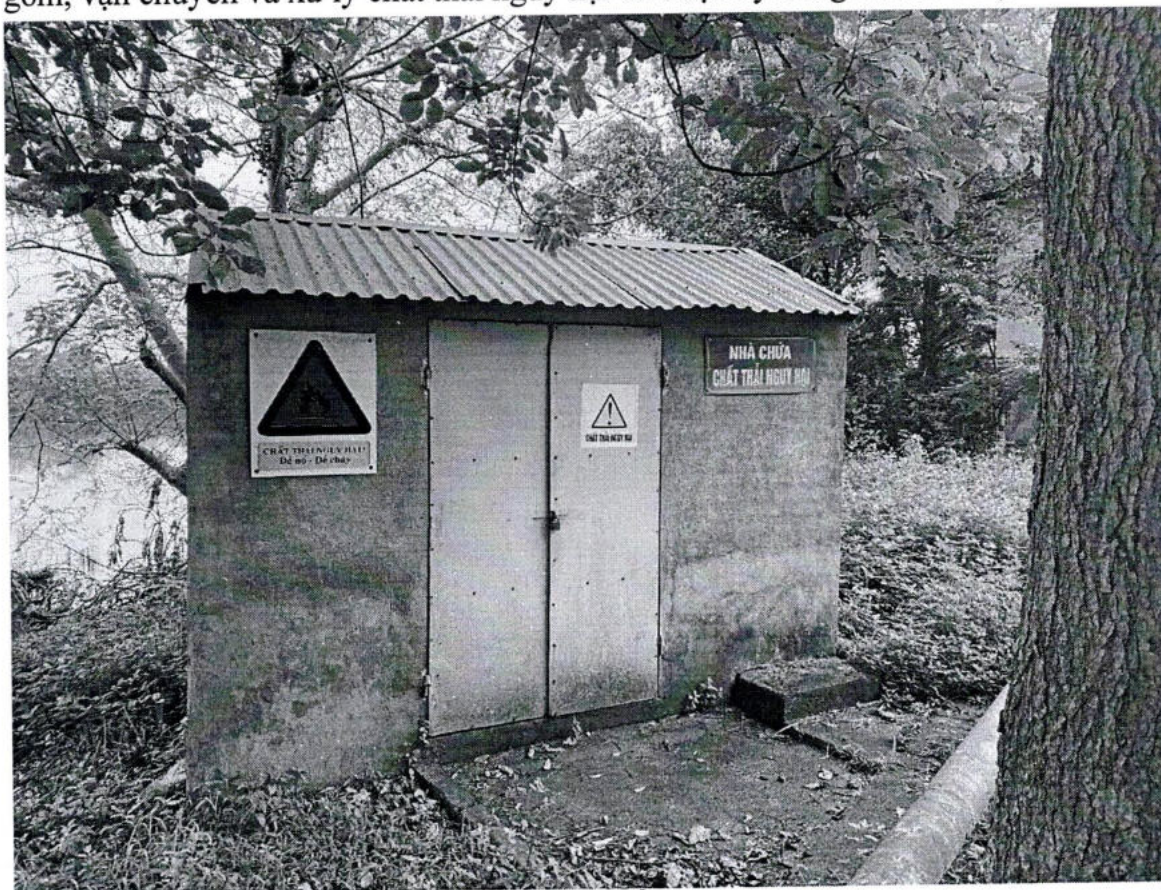
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

#### 4.2. Biện pháp thu gom, quản lý, xử lý

- Các CTNH có khả năng phát sinh trong quá trình hoạt động của Kho được công nhân thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, có ghi tên, dán nhãn, mã CTNH để phân biệt với các loại chất thải khác. Số lượng thùng chứa: 07 thùng, chất liệu: nhựa HDPE.

- Toàn bộ CTNH được tập trung lưu giữ, quản lý tại Kho CTNH, có diện tích khoảng 03 m<sup>2</sup>; kết cấu BTCT.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH của Kho theo đúng quy định (hiện tại đang hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý môi trường Nghệ An về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tại các đơn vị cơ sở năm 2024 theo Hợp đồng kinh tế số 2025/HĐKT ngày 30/7/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đã được ký kết giữa hai bên).



**Hình 3.7. Kho chất thải nguy hại**

#### 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quá trình vận hành các máy móc thiết bị sản xuất, máy phát điện dự phòng, phương tiện giao thông, Kho thực hiện biện pháp sau:

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Kho để hạn chế lan truyền tiếng ồn.
- Sử dụng các máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc thiết bị. Vận hành máy theo đúng quy trình công nghệ của hãng sản xuất.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Lắp đặt các thiết bị, kết cấu giảm ồn và rung như đệm đàn hồi cao su và lò xo chống rung,...cho các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung cao đồng thời định kỳ kiểm tra, thay thế các thiết bị này.

- Bố trí xe ra vào Kho hợp lý, không để xảy ra đồng thời nhiều xe vào Kho cùng một thời điểm và yêu cầu xe sau khi đậu phải tắt máy.

- Công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn được trang bị nút chống ồn và các bảo hộ lao động cần thiết khác.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy nổ xăng dầu**

\* *Phương án PCCC:*

- Hơi xăng dầu rất dễ cháy khi hỗn hợp với không khí trong khoảng tỷ lệ 4,6-4,8%, khi có tia lửa hỗn hợp khí có thể gây cháy nổ. Để tránh khả năng gây cháy nổ cán bộ nhân viên tại Kho tuân thủ các quy định về an toàn PCCC trong tất cả các khâu công tác: xuất nhập, bảo quản xăng dầu, kiểm tra, bảo dưỡng bể chứa, trang thiết bị.

- Các khu vực bể chứa xăng dầu, nơi xuất nhập và vận chuyển cùng với trạm bơm là những điểm dễ xảy ra sự cố cháy nổ nhất đều có đường giao thông nội bộ để xe cứu hoả dễ dàng tiếp cận xử lý khắc phục sự cố ngay từ lúc mới phát sinh.

- Hệ thống PCCC tại kho được thiết kế theo tiêu chuẩn an toàn PCCC.

- Hệ thống phun bọt chữa cháy bao gồm:

+ Máy bơm dung dịch chất tạo bọt.

+ Hệ thống đường ống dẫn dung dịch chất tạo bọt.

+ Chất tạo bọt dùng Foam Protein 3% bảo quản ở dạng nguyên chất trong bể chứa bằng thép.


+ Hệ thống pha trộn dung dịch chất tạo bọt bằng ejector.

+ Lăng phun bọt.

+ Các họng chữa cháy, các lăng phun nước, lăng phun bọt di động được bố trí ở các vị trí thích hợp để chữa cháy phụ trợ cho hệ thống chữa cháy cố định các diện tích nằm trong khu vực đê bao của các bể chứa dầu, nhà bơm dầu, nhà xuất cho ô tô, cầu tàu,...

+ Hệ thống phun bọt với các vòi phun bọt bố trí để chữa cháy cho nhà bơm dầu, nhà xuất ô tô xitec.

+ Tại tất cả những vị trí dễ cháy nổ trong khu vực kho đều lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống thông tin báo động, các phương tiện PCCC, đường ống dẫn nước từ khu vực ao trong khuôn viên cơ sở phục vụ cho cứu hoả, các thiết bị tạo bọt và các thiết bị dập cháy thủ công.

+ Tại những nơi dễ có nguy cơ cháy nổ công nhân không được hút thuốc, không dùng lửa, không mang vật liệu nổ và kho. Trang bị đầy đủ các biển báo PCCC, nội quy quy định vận hành máy móc thiết bị. 

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

+ Khu nhà hành chính và bảo vệ được bố trí nằm tách biệt gần công kho, khoảng cách giữa các ngôi nhà theo tiêu chuẩn thiết kế kho xăng dầu.

+ Đường ô tô cứu hoả được bằng bãi đá dăm nước chảy quanh khu vực bể. Đảm bảo mặt bằng thông thoáng cho xe cứu hoả có thể kéo vòi nước vào tất cả các hạng mục công trình khi cần thiết.

+ Đường dây điện sáng bảo vệ quanh kho là dây cáp bọc PVC. Các thiết bị điện đều là loại phòng nổ.

+ Trực bảo vệ kho 24/24 giờ hằng ngày.

\* *Công tác thông báo:* Khi xảy ra cháy nổ hoặc nhận được tin báo, phát hiện sự cố cháy nổ xăng dầu hoặc rò rỉ đường ống dầu, nhân viên của kho phải nhanh chóng tìm mọi biện pháp thông báo kịp thời cho Cơ quan cảnh sát PCCC tại địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân gần nhất để kịp thời phối hợp triển khai phương án khắc phục sự cố môi trường.

\* *Biện pháp thực hiện:*

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về PCCC sẽ góp phần hạn chế các sự cố, rủi ro trong quá trình xuất nhập xăng dầu. Dưới đây là các yêu cầu cụ thể:

- Kiểm tra thường xuyên các hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thông tin, báo động,...

- Máy móc, thiết bị phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ một cách khoa học nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.

- Khi sự cố cháy nổ xăng dầu xảy ra trước hết phải dừng ngay việc cung cấp xăng dầu vào bất cứ thiết bị nào nằm trong khu vực bị cháy và áp dụng các biện pháp tạo ra vùng ngăn cháy với nguồn xăng dầu phía sau.

- Cắt toàn bộ hệ thống điện dẫn vào khu vực cháy.

- Tìm mọi cách cứu người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm.

- Sơ tán nhanh chóng số xăng dầu còn lại, người, các phương tiện, tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm.

## **6.2. Phương án ứng phó sự cố tràn dầu:**

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, ngoài ra, cũng cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau để ứng phó sự cố tràn dầu:

+ Trước tiên, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát ra khỏi vùng nguy hiểm.

+ Biện pháp cơ học: quây gom, dồn dầu vào một vị trí nhất định để tránh dầu lan trên diện rộng.

+ Sử dụng phao ngăn dầu để quây khu vực dầu tràn, hạn chế ô nhiễm lan rộng và để thu gom xử lý.

+ Dùng máy hút vớt dầu: sau khi dầu được quây lại dùng máy hút vớt dầu hút dầu lên kho chứa.

+ Biện pháp hoá học: được dùng khi có hoặc không có sự làm sạch cơ học và dầu

tràn trong một thời gian dài.

+ Sử dụng các chất phân tán, các chất phá nhũ tương dầu – nước, các chất keo tụ và hấp thụ dầu,...

+ Biện pháp sinh học: dùng các vi sinh vật phân giải dầu như vi khuẩn, nấm mốc, nấm men,...

Khi xảy ra sự cố tràn dầu thì biện pháp cơ học được xem là tiên quyết cho công tác ứng phó sự cố tràn dầu tại các sông, bến cảng nhằm ngăn chặn, khống chế và thu gom nhanh chóng lượng dầu tràn tại hiện trường.

- Khi dầu đã lan và dạt vào bờ, cần nhanh chóng và bằng mọi biện pháp, mọi phương tiện, từ thô sơ (như: xẻng, xô chậu,...) cho tới các phương tiện hiện đại (như: xu hút nước, bơm dầu, xe ủi, ô tô tải,...) tổ chức thu gom váng dầu, cặn dầu. Váng dầu, cặn dầu và các vật liệu bám dầu (như: đất, cát, cành cây, rác bám dầu,...) được thu gom về một nơi, ngăn quây cách ly không cho thấm ra môi trường xung quanh và sẽ được cơ quan chuyên môn hướng dẫn xử lý.

- Trường hợp tai nạn đắm và tàu chở dầu, hoặc vỡ kho chứa dầu, cần nhanh chóng và bằng biện pháp có thể có để san dầu và di chuyển đến nơi an toàn:

+ Trang bị hệ thống đèn giao thông, đèn tín hiệu và thiết bị thông tin hữu tuyến trong khu vực cầu cảng, hệ thống này cần được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo trong tối các loại tàu vẫn có thể an toàn ra vào, lưu thông.

+ Có kế hoạch nạo vét và khơi thông luồng lạch định kỳ.

+ Phối hợp với các Cơ quan chức năng để có các kế hoạch cứu hộ, trang thiết bị và đội cứu hộ thường trực hoặc kiêm nhiệm, sẵn sàng xử lý và khắc phục các sự cố xảy ra trong thủy vực cầu cảng và lân cận một cách kịp thời.

+ Có các trang thiết bị đo nhanh để phát hiện loại dầu tràn, từ đó có thể áp dụng các phương án xử lý phù hợp.

### **6.3. Phòng chống sự cố về điện**

- Các mô tơ điện đều có hộp che chắn bảo vệ, đảm bảo không cho dung môi, nước hoặc vật dễ cháy rơi vào;

- Đã quy định cụ thể chế độ vệ sinh công nghiệp cho từng máy, từng bộ phận khi bàn giao ca; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện trong nhà xưởng sản xuất. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao phải tiếp điện tốt.

### **6.4. Phòng chống sự cố rò rỉ, tràn dầu khu vực bể chứa xăng dầu**

#### **6.4.1. Biện pháp đề phòng và xử lý sự cố rò rỉ**


- Các biện pháp đề phòng rò rỉ:

+ Kiểm tra định kỳ độ bền, độ kín của mặt bích, van, ống nối, phải thay thế và sửa chữa ngay khi có hiện tượng rò rỉ.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc bảo trì đường ống...

- Các biện pháp xử lý sự cố rò rỉ:

+ Ngừng vận hành, bật công tắc đóng các van liên kết, khoanh vùng sự cố.

+ Báo cáo ngay cho ban chỉ huy phòng chống sự cố. 

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

- + Cắm biển, căng dây quanh khu vực sự cố.
- + Vận chuyển các trang thiết bị nhằm ứng phó sự cố đến vị trí xảy ra sự cố.
- + Thu hết xăng, dầu ở ống chảy ra.
- + Bịt lỗ rò rỉ, kiểm tra kỹ thuật tại vị trí xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân.
- + Cùng với ban chỉ huy ứng phó sự cố lập kế hoạch ứng phó sự cố trên.

#### 6.4.2. Phòng chống sự cố tràn dầu:

- Xác định khu vực nhạy cảm đối với sự cố. Đây là việc ưu tiên, cần thực hiện trước một bước, sau đó bố trí các bồn chứa nhiên liệu, đường ống bơm rót... càng xa khu vực nhạy cảm càng tốt.

- Chuẩn bị trước kế hoạch ứng phó sự cố xảy ra, phổ biến kế hoạch cho tất cả công nhân viên và trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống sự cố rò rỉ, tràn dầu.

- Những người vận hành thiết bị ứng cứu khi có sự cố được đào tạo, luyện tập. Các thiết bị phòng chống sự cố luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động.

- Chuẩn bị trước phương án khắc phục sự cố theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

### 7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án “Kho xăng dầu Bến Thủy” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường “Kho xăng dầu Bến Thủy” tại phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tại Quyết định số 406/QĐ-TNMT ngày 31/12/2009; Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tuyến ống dẫn dầu Nghi Hương – Bến Thủy tại Quyết định số 376/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/01/2013; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư nâng cấp Kho xăng dầu Bến Thủy, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An tại Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 02/11/2016. Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở đã có những thay đổi, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và theo các quy định hiện hành của pháp luật bảo vệ môi trường. Các nội dung thay đổi được tổng hợp như sau:

**Bảng 3.5. Các nội dung thay đổi so với báo cáo tác động môi trường của Kho**

STT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM và Đề án BVMT	Thay đổi so với báo cáo ĐTM và Đề án BVMT	Ghi chú
<b>Thay đổi về vận hành chung</b>				
1	Pháp nhân thực hiện dự án	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh	Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	Điều chỉnh theo nhu cầu thực tế
<b>Thay đổi về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường</b>				
1	Hồ tiêu độc số 1 (hệ thống XLNT nhiễm dầu)	Cải tạo mở rộng từ dung tích 126m <sup>3</sup> lên 337,5m <sup>3</sup> .	Chưa cải tạo	Do quá trình hoạt động của Kho không phát sinh nước làm mát bồn chứa, do vậy các hồ tiêu độc 1 và hồ tiêu độc 2 vẫn đáp ứng trong việc lưu giữ nước nhiễm dầu cần phải xử lý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

## CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở (theo hóa đơn nước vào thời điểm lớn nhất là 6m<sup>3</sup>/ngày.đêm).
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh do súc rửa bể chứa xăng dầu.
- Nguồn số 03: Nước xả đáy bể khi kết thúc nhập xăng dầu.
- Nguồn số 04: Nước mưa trên khu vực có khả năng nhiễm dầu.
- Nguồn số 05: Nước rửa tay và vệ sinh dụng cụ thí nghiệm từ phòng hóa nghiệm.
- Nguồn số 06: Nước sử dụng để đẩy ống nhập xăng dầu từ kho Nghi Hương về.

#### 1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 36m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương với 1,5m<sup>3</sup>/giờ (theo giấy phép xả thải số 63/GP-STNMT.NBHD ngày 21/08/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp).

#### 1.3. Dòng nước thải:

- Dòng 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý qua xử lý ở bể tự hoại cải tiến BASTAF đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Cột B sau đó đổ vào ao nước phía Tây của cơ sở.
- Dòng 02: Nước thải sản xuất được xử lý qua hệ thống XLNT tại cơ sở đạt QCVN 29:2010/BTNMT – Cột B trước khi xả thải vào mương thoát nước phía Bắc cơ sở.

#### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo

##### dòng nước thải

- Dòng 1: Nước thải sinh hoạt

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

**Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sulfua (theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

- Dòng 2: Nước thải nhiễm xăng dầu.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT cột B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

**Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

STT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	100
3	COD	mg/L	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	15

### 1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

#### 1.5.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: tọa độ vị trí xả nước thải (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104<sup>o</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>*): X= 2065249; Y= 575419.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt được chảy ra bằng hệ thống mương hở, sau đó đầu nối vào nguồn tiếp nhận là mương thoát nước phía Bắc của cơ sở thuộc địa bàn phường phường Trường Vinh.

- Chu kỳ xả thải: liên tục

- Thời gian xả thải: 24h/ngày.đêm.

- Chất lượng nước thải: nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước phía Bắc cơ sở thuộc địa bàn phường Trường Vinh.

#### 1.5.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: tọa độ vị trí xả nước thải (*hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104<sup>o</sup>45', múi chiếu 3<sup>o</sup>*): X= 2065409; Y= 575394.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT cột B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu được chảy ra ao chứa nước phía Bắc của cơ sở, sau đó đầu nối vào nguồn tiếp nhận là mương thoát nước phía Bắc của cơ sở thuộc địa bàn phường Trường Vinh.

- Chu kỳ xả thải: liên tục

- Thời gian xả thải: 24h/ngày.đêm.

- Chất lượng nước thải: nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt QCVN

29:2010/BTNMT cột B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước phía Bắc cơ sở thuộc địa bàn phường Trường Vinh.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có)

Không đề nghị cấp

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 3.1. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại cơ sở chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện xe vận tải (xe ô tô, xitéc, tàu, xà lan) hoạt động nhập xuất xăng dầu tại kho và cầu cảng và phòng thí nghiệm. Tuy nhiên, các nguồn ồn này không cố xảy ra thường xuyên và ít gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

### 3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

**Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn (dBA)**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

**Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

## **CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

#### **1.1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện**

- Kho xăng dầu Bến Thủy đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt các hồ sơ, thủ tục về bảo vệ môi trường, gồm:

+ Quyết định số 406/QĐ-TNMT ngày 31/12/2009 về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của “Kho xăng dầu Bến Thủy” tại phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

+ Quyết định số 376/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/11/2012 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tuyến ống xăng dầu Nghi Hương – Bến Thủy.

+ Quyết định số 5432/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nâng cấp Kho Xăng dầu Bến Thủy, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Chủ Cơ sở đã có các báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn, CTNH theo quy định.

#### **1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền**

Không có

### **2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải**

#### **2.1. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp của cơ sở**

##### **2.1.1. Các loại nước thải phát sinh của Cơ sở năm 2023, 2024**


##### **- Nước thải sinh hoạt**

Tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt của Cơ sở phát sinh năm 2024 là 1542 m<sup>3</sup>/năm tương đương với khoảng 4,28m<sup>3</sup>/ngày. Tương ứng với khối lượng nước thải phát sinh năm 2024 là 1542 m<sup>3</sup>/năm tương đương với khoảng 4,28m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tiêu chuẩn sau đó dẫn về hệ thống ao hồ trong khuôn viên cơ sở trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận.

##### **- Nước thải công nghiệp**

Tổng lượng nước thải công nghiệp của Cơ sở phát sinh năm 2024 theo đồng hồ đo lưu lượng xả thải 3.044 m<sup>3</sup>/năm tương đương với khoảng 8,34m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sau khi xử lý được dẫn ra ao trong cơ sở trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### **2.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải**

Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải trong 2 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp phép môi trường. 

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt, 01 mẫu nước thải sinh hoạt và 12 mẫu nước thải sản xuất

- Tần suất: 06 tháng/lần.

**a. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt**

- Vị trí lấy mẫu: mẫu nước thải sinh hoạt lấy tại công thoát nước thải sinh hoạt (N=18<sup>o</sup>40'13,8'', E=105<sup>o</sup>43'00,5'')

- Tần suất: 06 tháng/lần.

**Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt 2 năm gần nhất**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 (Cột B, C <sub>max</sub> )
<b>I</b>	<b>Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023</b>			
<b>Kết quả quan trắc nước thải đợt 1 năm 2023</b>				
1	pH	-	6,9	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	52,5	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	39,4	60
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	5,11	12
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	3,02	60
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	2,34	12
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	1,4	24
8	Coliform	mg/l	2.200	5.000
<b>Kết quả quan trắc nước thải đợt 2 năm 2023</b>				
1	pH	-	7,6	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	42,0	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30,6	60
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	4,81	12
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	2,95	60
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	2,04	12
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	1,2	24
8	Coliform	mg/l	2.900	5.000
<b>Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2024</b>				
<b>Kết quả quan trắc nước thải đợt 1 năm 2024</b>				
1	pH	-	7,1	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	60	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	45,3	60
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	6,86	12
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	3,68	60
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	1,36	12
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	1,6	24
8	Coliform	mg/l	2.500	5.000
<b>Kết quả quan trắc nước thải đợt 2 năm 2024</b>				
1	pH	-	7,7	5,5 - 9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 (Cột B, C <sub>max</sub> )
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	49,7	60
3	TSS	mg/l	56,0	120
4	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	5,0	24
5	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	1,66	12
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	7,15	12
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	3,23	60
8	Coliform	mg/l	3.500	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH 1 TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường)

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023 và năm 2024 cho thấy các thông số đang nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14-2008/BTNMT, cột B.

**b. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sản xuất**

- Vị trí lấy mẫu:

+ T2: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải kho xăng dầu (N=18<sup>0</sup>40'19'', E=105<sup>0</sup>42'59,9'').

+ T3: công thoát nước thải kho xăng dầu (N=18<sup>0</sup>40'19,1'', E=105<sup>0</sup>42'59,7'')

- Tần suất: 06 tháng/lần.

**Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải sản xuất 2 năm gần nhất**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 29:2010 (Cột B, Kho)
			T2	T3	
<b>I. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất năm 2023</b>					
<b>Kết quả quan trắc nước thải sản xuất đợt 1 năm 2023</b>					
1	pH	-	7,1	7,7	5,5-9
2	TSS	mg/l	51,5	49	100
3	COD	mg/l	40,2	38,6	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,9	1,7	15
<b>Kết quả quan trắc nước thải sản xuất đợt 2 năm 2023</b>					
1	pH	-	7,9	7,8	5,5-9
2	TSS	mg/l	34,5	36,0	100
3	COD	mg/l	49,0	47,7	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5,2	4,8	15
<b>II. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất năm 2024</b>					
<b>Kết quả quan trắc nước thải sản xuất đợt 1 năm 2024</b>					
1	pH	-	7,2	7,3	5,5-9
2	TSS	mg/l	54,5	56	100
3	COD	mg/l	53,9	60,2	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,1	1,9	15
<b>Kết quả quan trắc nước thải sản xuất đợt 2 năm 2024</b>					
1	pH	-	7,8	7,9	5,5-9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 29:2010 (Cột B, Kho)
			T2	T3	
2	TSS	mg/l	83,9	80,8	100
3	COD	mg/l	62,5	58,5	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,4	1,6	15

(Nguồn: Công ty TNHH 1 TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường)

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023 và năm 2024 cho thấy các thông số đang nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B).

**c. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt**

- Vị trí lấy mẫu: mẫu nước mặt lấy tại ao tiếp nhận nước sau xử lý (N=18°40'19,2'', E=105°42'59,4'').


- Tần suất: 06 tháng/lần

**Bảng 5.3. Kết quả quan trắc định kỳ nước mặt 2 năm gần nhất**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08- MT:2015 (Cột B1)
<b>I</b>	<b>Kết quả quan trắc nước mặt năm 2023</b>			
<b>Kết quả quan trắc nước mặt đợt 1 năm 2023</b>				
1	pH	-	7,5	5,5-9
2	DO*	mg/l	5,2	≥4
3	TSS	mg/l	30,5	50
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	6,4	15
5	COD	mg/l	19,8	30
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	2,21	10
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	0,17	0,3
8	Fe	mg/l	0,39	1,5
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	<0,3	1
10	Coliform	mg/l	600	7500
<b>II</b>	<b>Kết quả quan trắc nước mặt năm 2024</b>			
<b>Kết quả quan trắc nước mặt đợt 1 năm 2024</b>				
1	pH	-	7,2	6,5-8,5
2	DO*	mg/l	5,19	≥5,0
3	TSS	mg/l	14	≤15
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	5,5	≤6
5	COD	mg/l	12,7	≤15
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	<0,2	-
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	<0,08	-
8	Fe	mg/l	0,15	0,5
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	<0,7	5,0

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 (Cột B1)
10	Coliform	mg/l	790	≤5000
<b>Kết quả quan trắc nước mặt đợt 2 năm 2024</b>				
1	pH	-	6,9	6,5-8,5
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	10,2	≤6
3	COD	mg/l	31,1	≤15
4	DO*	mg/l	5,6	≥5,0
5	TSS	mg/l	14,5	≤15
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	0,45	-
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	<0,08	-
8	Fe	mg/l	0,3	0,5
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	<0,7	5,0
10	Coliform	mg/l	920	≤5000

(Nguồn: Công ty TNHH 1 TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường)

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023 và năm 2024 cho thấy các thông số đang nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT (Cột B), QCVN 08:2023/BTNMT, cột B. 

## CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

#### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 6 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	01 tháng Kể từ ngày cơ sở được Cấp giấy phép môi trường	02 tháng sau kể từ ngày bắt đầu	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm, cơ sở hoạt động 95-100% công suất
2	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất là 36m <sup>3</sup> /h	01 tháng Kể từ ngày cơ sở được Cấp giấy phép môi trường	02 tháng sau kể từ ngày bắt đầu	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm, cơ sở hoạt động 95-100% công suất

#### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

**Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải sinh hoạt**

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Số mẫu	Tần suất	Thời gian
1	1 mẫu nước đầu vào	Thông số quan trắc (11 thông số tại bảng 4.1): theo QCVN 14:2008/BTNMT	01 mẫu	01 lần/ 03 ngày	Trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm
2	1 mẫu nước đầu ra sau xử lý		03 mẫu	01 lần/01 ngày (trong 3 ngày liên tục)	

**Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu)**

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Số mẫu	Tần suất	Thời gian
1	1 mẫu nước đầu vào	Thông số quan trắc (4 thông số tại bảng 4.2): theo QCVN 29:2010/BTNMT	01 mẫu	01 lần/ 03 ngày	Trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm
2	1 mẫu nước đầu ra sau xử lý		03 mẫu	01 lần/01 ngày (trong 3 ngày liên tục)	

## **2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

### **2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ**

Căn cứ điểm b, Khoản, Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. "Đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải và hình thức phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ được quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này (trừ các trường hợp: cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở có hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn bể định kỳ tách riêng với hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xả nước làm mát không sử dụng clo hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật và cơ sở xả nước tháo khô mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi)". Do đó Cơ sở không phải quan trắc định kỳ theo quy định.


### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Không có

### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở**

Không có

## **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường, do vậy không có kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm. 

## CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An cam kết các nội dung như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin, các vấn đề môi trường của cơ sở được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

2. Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt), cột B.

+ Nước thải sản xuất trong quá trình hoạt động đạt Quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu), cột B.

- Đối với chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chất thải sinh hoạt theo đúng quy định, hợp vệ sinh. Ký hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường với đơn vị có chức năng.

- Đối với chất thải nguy hại:

Công ty cam kết thu gom, phân loại, lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại tại kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Cam kết thực hiện đúng theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo tiếng ồn, độ rung sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

4. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

5. Cam kết bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng tới môi trường. /k

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của cơ sở “Kho xăng dầu Bến Thủy tại phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An”

thiệt hại về kinh tế cho người dân.

6. Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường và công khai giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

7. Cam kết thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng thời gian đã nêu. Báo các kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Nông nghiệp và Môi trường;

8. Chủ cơ sở cam kết về việc thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ, đột xuất và các trách nhiệm khác của chủ cơ sở theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

9. Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại về môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường nếu để xảy ra sự cố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 